

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Tên tiếng anh : **BEN THANH TRADING & SERVICE JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **BEN THANH TSC**

Logo :



Địa chỉ : 186 – 188 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 38 223 390 Fax: (84-8) 38 291 389

Email : [benthanh@benthanhtsc.com.vn](mailto:benthanh@benthanhtsc.com.vn)

Website : [www.benthanhtsc.com.vn](http://www.benthanhtsc.com.vn)

Vốn điều lệ : 88.000.000.000 VND (Tám mươi tám tỷ đồng).

## **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1. Những sự kiện quan trọng:**

#### **1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành được thành lập ngày 21 tháng 04 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002274, tiền thân là Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Bến Thành.

**Năm 1992**, Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành được thành lập theo quyết định số 22/QĐ-UB ngày 29/09/1992 trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị thương nghiệp quốc doanh: Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quận I, Công ty Thương nghiệp tổng hợp chợ Bến Thành, Công ty Thương nghiệp tổng hợp chợ Dân Sinh.

**Năm 1997**, Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bến Thành theo quyết định số 7448/QĐ-UB-KT ngày 26/12/1997 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Ngày 16 tháng 12 năm 2003**, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 5435/QĐ-UB chuyển Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành thành Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành hạch toán kinh tế độc lập.

**Ngày 21 tháng 4 năm 2004**, Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103002274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 21/4/2004.

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành là : Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ địa ốc, Đầu tư tài chính; trong đó dịch vụ bán lẻ tại chợ Bến Thành – chợ Dân Sinh, xuất nhập khẩu tổng hợp các ngành hàng, xây dựng và khai thác trung tâm thương mại - văn phòng cho thuê là những lĩnh vực mũi nhọn của Công ty

**Năm 2007**, Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng và chính thức đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước vào tháng 06 năm 2007.

**Ngày 14/4/2010** Doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

## 1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ tính từ khi cổ phần hóa

Thời gian	Vốn điều lệ	Giá trị tăng thêm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Mới thành lập (Ngày 21/04/2004)	25 tỷ đồng		
<b>Lần 1</b> Tháng 12/2005 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005)	30 tỷ đồng	5 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.
<b>Lần 2 (*)</b> Tháng 12/2006 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005)	35 tỷ đồng	5 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.
<b>Lần 3</b> Tháng 05/2007 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2007 ngày 09/04/2007)	49 tỷ đồng	14 tỷ đồng	Phát hành cho cổ đông hiện hữu thông qua hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu.
<b>Lần 4</b> Từ 05/2007 -12/2007 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2007 ngày 09/04/2007)	88 tỷ đồng	39 tỷ đồng	Chào bán cho các đối tượng sau: - Phát hành cho cổ đông hiện hữu: tổng giá trị phát hành là 17,15 tỷ đồng. - Phát hành cho cán bộ chủ chốt của Công ty. Tổng giá trị phát hành là 2,45 tỷ đồng. - Phát hành cho cổ đông chiến lược (Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cotecin, và Công ty CP Chứng khoán Phương Đông): Tổng giá trị phát hành là 4 tỷ đồng. - Phát hành thông qua đấu giá cạnh tranh cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp: Tổng giá trị phát hành là 15,4 tỷ đồng.

(\*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005 đã thông qua phương án tăng vốn từ 25 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng, chia làm hai giai đoạn: lần thứ nhất tăng vốn thêm 5 tỷ đồng bằng hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, lần thứ hai tiếp tục tăng vốn thêm 5 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

### 1.3 Thành tích đạt được:

Là đơn vị chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành đã luôn phát huy được thế mạnh về kinh nghiệm cũng như những lợi thế sẵn có trong quá trình hoạt động kinh doanh, phát huy tinh thần đoàn kết và lao động sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

Ghi nhận những thành quả mà doanh nghiệp đã đạt được trong nhiều năm liền, Chủ tịch Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì cho tập thể CBNV của Công ty (theo Quyết định số 406-QĐ/CTN ngày 28.04.2005).

Ngoài ra, đơn vị cũng nhận được rất nhiều Bằng khen, Cờ Thi đua hàng năm của Thủ Tướng Chính phủ, Thành Ủy, UBND Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng về thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

## MỘT SỐ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA DOANH NGHIỆP

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG	Đối tượng được khen thưởng
<b>A HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG</b>	
- Hạng Nhì	Tập thể CBNV (năm 2005)
<b>B BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ</b>	
- 2 Bằng Khen	Tập thể CBNV (năm 2002) Tập thể CBNV (năm 2007)
- 3 Bằng Khen	Cá nhân CBNV
<b>C KHEN THƯỞNG CỦA THÀNH ỦY VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b>	
- 14 Bằng Khen và Cờ Thi đua	Tập thể CBNV
- 6 Bằng Khen	Tập thể đơn vị trực thuộc
- 30 Bằng Khen	Cá nhân CBNV

## Một số hình ảnh đón nhận Huân chương Lao động, Bằng khen và Cờ lưu niệm của Ben Thanh TSC



## **2. Quá trình phát triển:**

### **2.1 Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu tổng hợp các ngành hàng; kinh doanh nhà hàng, địa ốc.
- Lắp ráp và sửa chữa thiết bị viễn thông, vận chuyên khách du lịch, cho thuê xe, cho thuê nhà, văn phòng, căn hộ.
- Sản xuất, gia công các mặt hàng cơ khí, thủ công mỹ nghệ, quần áo.
- Xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm chế biến, may mặc, mỹ nghệ ...
- Nhập khẩu nhóm ngành hàng tiêu dùng như điện gia dụng, thiết bị tin học, bách hóa, công cụ cầm tay ..., nhóm ngành hàng phục vụ sản xuất như máy móc thiết bị và linh kiện, hạt nhựa, sắt thép, nhôm, giấy và bột giấy, sơn tĩnh điện ...
- Nhận ủy thác xuất nhập khẩu các nhóm ngành hàng trên.
- Dịch vụ khai thuê thủ tục hải quan và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Liên kết, hợp tác kinh doanh với mọi thành phần kinh tế.
- Nhận làm nhà phân phối, tổng đại lý tiêu thụ cho các đối tác trong và ngoài nước.
- Thực hiện cung ứng hàng hóa theo nhu cầu khách hàng.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

#### ***❖ Kinh doanh thương mại***

- Vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thủ công các loại.
- Nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng và sản xuất, sắt, thép, nhôm, bột giấy, giấy.
- Hàng điện lạnh - điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công-nông-ngư nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy-viễn thông-cơ khí phục vụ sản xuất các loại.

#### ***❖ Kinh doanh dịch vụ***

- Kinh doanh Nhà hàng, khách sạn.

- Thuê và cho thuê văn phòng, căn hộ, Trung tâm kinh doanh vàng bạc đá quý;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ môi giới.

#### ❖ **Đầu tư tài chính**

- Đầu tư tài chính vào các ngành có liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng cho thuê, giáo dục, y tế, sản xuất ...

## **2.2 Tình hình hoạt động**

#### ❖ **Giai đoạn 1992 - 1996:**

- Doanh nghiệp hoạt động với số vốn điều lệ ban đầu năm 1992 là 7,3 tỷ đồng chủ yếu tập trung vào lĩnh vực kinh doanh thương mại bán lẻ và bán buôn các ngành hàng: vải sợi, quần áo may sẵn, dụng cụ đồ nghề, thực phẩm công nghệ, đồ dùng gia đình, xe gắn máy, xe ô tô, câu lạc bộ khiêu vũ, nông sản, máy móc thiết bị, sắt, thép, nhôm ...
- Doanh thu bình quân hàng năm 383 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế bình quân 2,1 tỷ đồng và nộp ngân sách bình quân 12 tỷ đồng.

#### ❖ **Giai đoạn 1997 - 2003:**

- Năm 1997, Công ty là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công Ty Bến Thành với số vốn điều lệ hoạt động 19 tỷ đồng
- Lĩnh vực hoạt động tập trung chủ yếu vẫn là thương mại, không có sự thay đổi nhiều so với giai đoạn trên, một số ngành hàng phải chấm dứt hoạt động từ chủ trương chính sách của nhà nước như: xe 2 bánh, xe ô tô, câu lạc bộ khiêu vũ. Trong năm 1997 công ty đã đầu tư vốn góp vào Ngân hàng Phương Đông 3 tỷ đồng.
- Doanh thu bình quân hàng năm 202 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế bình quân 3,4 tỷ đồng và nộp ngân sách bình quân 11 tỷ đồng.

#### ❖ **Giai đoạn 2004 - 2009:**

- Năm 2004 đánh dấu bước ngoặt quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khi công ty chính thức chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Trong giai đoạn này Công ty đã nhanh chóng tái cấu trúc lại bộ máy doanh nghiệp, định hướng lại toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phát triển trên 3 lĩnh vực là Thương Mại - Dịch Vụ - Đầu tư tài chính, trong đó xác định trọng tâm phải tập trung nhanh chóng phát triển lĩnh vực dịch vụ.

- Sau gần 6 năm hoạt động kể từ khi thực hiện cổ phần hóa công ty đã không ngừng lớn mạnh và phát triển khẳng định được những bước đi vững chắc trong quá trình hội nhập và phát triển doanh nghiệp; Mức độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ năm 2004 đến năm 2009 như sau:

Đvt: 1.000.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	2004	2005	2006	2007	2008	2009
1	Doanh thu	288.034	264.502	304.960	329.694	310.974	208.305
2	Lợi nhuận trước thuế	6.930	9.104	24.574	21.247	21.314	36.153
3	Vốn điều lệ BQ	25.000	25.000	30.000	62.833	88.000	88.000
4	Tỷ suất LNTT /VĐL	27,72	36,42	81,91	33.82	24.22	41.08
5	Nộp Ngân sách	20.181	19.251	22.104	21.492	24.796	26.985

❖ Ghi chú: kể từ năm 2007 là số liệu hợp nhất.

### 3. Định hướng phát triển

#### 3.1 Mục tiêu chủ yếu của công ty

- Phân đầu để Công Ty luôn không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững trên cơ sở mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp trên các lĩnh vực Thương Mại - Dịch Vụ - Đầu tư tài Chính.
- Tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao giá trị doanh nghiệp, nâng cao lợi ích của các cổ đông, tỷ lệ cổ tức hàng năm đảm bảo tối thiểu là 15%.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, duy trì việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV của công ty.

#### 3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

**Chiến lược phát triển của doanh nghiệp đến 2015 :** Phát huy lợi thế vị trí địa điểm kinh doanh và năng lực tài chính, hoạt động của doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực **Thương mại – Dịch vụ – Đầu tư tài chính.**

##### ▪ **Thương mại :**

Xác định hoạt động bán lẻ là loại hình kinh doanh chủ lực và truyền thống từ nhiều năm qua, doanh nghiệp tiếp tục phát huy những lợi thế và giữ vững được mức độ tăng trưởng trong những năm tới.

Đối với hoạt động bán buôn, Công ty xem xét, chọn lọc ngành hàng kinh doanh có tiềm năng và hiệu quả. Xây dựng ổn định nguồn nhập từ các nhà cung cấp nước ngoài, các nhà sản xuất trong nước, triển khai các hình thức hợp tác phân phối các sản phẩm của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đã có thương hiệu để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất – tiêu dùng.



▪ **Dịch vụ :**

Được xác định là lĩnh vực kinh doanh chiến lược của Công ty kể từ năm 2004, tạo ra lợi thế cạnh tranh và giúp cho doanh nghiệp giữ vững được tốc độ phát triển bền vững trong những năm sau.

Dựa trên lợi thế so sánh về vị trí trung tâm thành phố và tiềm năng phát triển các loại hình dịch vụ, Công ty sẽ tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để khai thác bằng những hình thức đa dạng, linh hoạt như : cao ốc văn phòng, căn hộ cho thuê, khách sạn, nhà hàng, cơ sở chăm sóc y tế, cơ sở giáo dục ... nhằm sử dụng tối đa nguồn lực tài sản hiện có, nâng cao hiệu quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

Duy trì và phát triển loại hình kinh doanh dịch vụ khác như tư vấn, môi giới văn phòng cho thuê, khai thuê hải quan, dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ ăn uống ...

▪ **Đầu tư tài chính :**

Mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh thông qua các hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác hoặc đa sở hữu vốn dựa trên nguyên tắc lợi ích và khai thác thế mạnh của các bên hợp tác

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Kết quả hoạt động trong năm và tình hình thực hiện kế hoạch:**

- Tổng doanh thu thương mại dịch vụ toàn hệ thống thực hiện 208 tỷ đồng. Trong đó, công ty mẹ thực hiện 201 tỷ chỉ đạt 96,11% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2009 để đối phó với ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới và trong nước, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã chỉ đạo giảm quy mô hoạt động bán buôn nhằm giảm thiểu rủi ro, mặt khác nguồn cung ứng ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng gặp khó khăn làm ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu hỗ trợ bán buôn của doanh nghiệp.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 36,15 tỷ đồng. Trong đó, công ty mẹ thực hiện 33,11 tỷ đạt 150,5% kế hoạch ĐHCĐ giao.
- Tỷ lệ cổ tức năm 2009 là 20% (*Nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2009 giao tối thiểu 15% trên mệnh giá*).

### **2. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2009:**

❖ **Đầu tư tài chính:**

- **Đầu tư theo quyền mua được phân bổ:** đã thực hiện trong tháng 12 năm 2009 quyền mua 20% trên số cổ phần hiện có của Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với tổng trị giá mua là 4,2 tỷ đồng.

- **Bán ra:** trong năm doanh nghiệp đã chuyển nhượng một số cổ phiếu để thu hồi vốn 17 tỷ đồng.

❖ **Đầu tư dự án:**

**Cao ốc Ben Thanh TSC \*186-188 Lê Thánh Tôn, Quận 1**



- Tổng vốn đầu tư: **36.000.000.000** đồng
- Cao ốc văn phòng và trung tâm kim hoàn 186-188 Lê Thánh Tôn với tổng diện tích xây dựng 3.633 m2, đưa vào khai thác vào ngày 04/1/2009. Hiện đã có khách hàng thuê 84% diện tích.

**Cao ốc Thiên Thành \* 90-92 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1**



- Tổng vốn đầu tư: **9.819.000.000** đồng.
- Cao ốc văn phòng Thiên Thành 90-92 Đinh Tiên Hoàng với tổng diện tích xây dựng 942m2, đã khởi công trong tháng 6 / 2008 và hoàn thành cuối năm 2009. Hiện đã ký hợp đồng cho thuê toàn bộ toà nhà.

## Cao ốc Đông Thành \* 2-4 Lưu Văn Lang, Q1 (Hợp khối với nhà số 6 Lưu Văn Lang)



- Tổng vốn đầu tư : **9.613.000.000** đồng.
- Cao ốc Văn phòng và cửa hàng kinh doanh Đông Thành 2- 4 Lưu Văn Lang với tổng diện tích xây dựng 875m<sup>2</sup>, đã khởi công trong tháng 2 / 2009 và dự kiến hoàn thành trong tháng 4 năm 2010. Hiện đã ký hợp đồng cho thuê toàn bộ toà nhà.

### 3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

#### ❖ Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận công ty mẹ năm 2010

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	% tăng giảm so với năm 2009
Doanh thu	201,83	220	9%
Lợi nhuận trước thuế	33,11	32	- 3,3%
Tỷ lệ cổ tức chi trả	20%	tối thiểu 18%	-2%

#### ❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

### PHÂN TÍCH SWOT

#### Điểm mạnh

- Là Công ty cổ phần được chuyển thể từ DNNN, có quá trình hoạt động trong ngành thương mại trên 30 năm, với hoạt động bán lẻ truyền thống tăng trưởng ổn định, tập trung chủ yếu tại trung tâm của thành phố là Chợ Bến Thành và Chợ Dân Sinh.
- Quản lý và sử dụng nhiều địa điểm kinh doanh với vị trí thuận lợi trên địa bàn Quận 1, có hợp đồng thuê đất dài hạn.
- Nguồn lực tài chính mạnh có điều kiện để thực hiện các các dự án trong thời gian sắp tới.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên có nhiều kinh nghiệm.

### Điểm yếu

- Mạng lưới kinh doanh còn giới hạn trên cùng một địa bàn, chưa mở rộng được phạm vi thị trường và đối tượng khách hàng mới.
- Ngoài khu vực chợ Bến Thành và Dân Sinh thì các điểm kinh doanh còn lại phần lớn có diện tích nhỏ, khó triển khai những kế hoạch phát triển quy mô lớn.
- Trong lĩnh vực hoạt động thương mại, do quá trình lịch sử hình thành trước đây là kinh doanh tổng hợp nhiều ngành hàng nên khó liên kết để tạo ra ưu thế cạnh tranh so với những đơn vị kinh doanh chuyên ngành.
- Về độ tuổi của người lao động: đa số ở tuổi trung niên, nếu không kịp đổi mới thì sẽ không thích nghi với xu thế phát triển chung. Hiện đang cần bổ sung nguồn nhân lực trẻ, chuyên nghiệp để đáp ứng cho kế hoạch phát triển mới.

### Cơ hội

- Kinh tế Việt Nam được dự báo sớm vượt qua suy thoái, sẽ tăng trưởng ổn định vào những năm tiếp theo, nhu cầu thuê văn phòng sẽ hồi phục khi suy thoái kinh tế thế giới đi qua. Công ty sẽ lập dự án và tiến hành xây dựng đón đầu nhu cầu trên, đồng thời để tận dụng giá thành xây dựng thấp thời khủng hoảng.
- Đời sống của người dân từng bước được nâng cao, tại thành phố Hồ Chí Minh thu nhập bình quân đầu người tăng qua các năm góp phần vào sự hưng thịnh của nền kinh tế.
- Tình hình chính trị - xã hội ổn định, dự báo lượng khách du lịch sẽ tăng trở lại các năm tiếp theo, góp phần làm tăng sức mua tại Trung tâm Bến Thành Đông và Tây.
- Quy mô thị trường giáo dục đào tạo nhất là các lớp học cho học sinh phổ thông còn rất lớn. Đây là một phân khúc rất tiềm năng, doanh nghiệp đang nghiên cứu chọn đối tác để hướng một phần từ hoạt động cho thuê văn phòng sang khai thác lĩnh vực này.

### Nguy cơ

- Tiền thuê đất có khả năng tăng mạnh trong những năm tiếp theo làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận là điều khó tránh khỏi.
- Mở cửa thị trường bán lẻ sẽ làm gia tăng đối thủ cạnh tranh với tiềm lực kinh tế lớn, làm giảm thị phần của doanh nghiệp.
- Hiện tại, nguồn cung văn phòng cho thuê không ngừng gia tăng sẽ làm giá cho thuê có xu hướng giảm.
- Dịch cúm A/H1N1 có khả năng bùng phát gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất và chưa hợp nhất của doanh nghiệp đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học (AISC), dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính cơ bản phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong năm 2009:

##### ❖ Báo cáo hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản		55,51	59,64
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		44,49	40,36
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn		29,24	24,92
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		70,29	74,71
3	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		2,30	2,41
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,80	3,57
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế</b>	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận / Tổng tài sản		5,56	8,36
	- Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu thuần		5,96	13,57
	- Tỷ suất lợi nhuận / Nguồn vốn chủ sở hữu		7,92	11,19

##### ❖ Báo cáo Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản		56,85	61,55
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		43,15	38,45
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn		30,58	26,05
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		69,42	73,95
3	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		2,28	2,32
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,77	3,51
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế</b>	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận / Tổng tài sản		4,95	7,72
	- Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu thuần		5,52	12,96
	- Tỷ suất lợi nhuận / Nguồn vốn chủ sở hữu		7,21	10,48

- Khả năng thanh toán của doanh nghiệp tốt, hiệu quả sử dụng vốn tăng cao so với năm trước
- Tình hình tài chính lành mạnh, cơ cấu nguồn vốn hợp lý đảm bảo tốt khả năng thanh toán, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh đều được kiểm soát các rủi ro thông qua việc trích lập các quỹ dự phòng nhằm bảo toàn vốn
- Tình hình cân đối tài chính tốt, đảm bảo về nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Tổng nguồn vốn dài hạn của doanh nghiệp đủ đảm bảo cho tài sản dài hạn và đáp ứng cho nhu cầu vốn đầu tư vào các dự án theo kế hoạch của Công ty thời gian tới.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo (vốn chủ sở hữu): trên Báo cáo tài chính hợp nhất 251.709.997.317 đồng, Báo cáo tài chính của công ty mẹ 249.799.577.210 đồng.
- Vốn điều lệ trong năm không thay đổi: 88.000.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:  
Cổ phiếu phổ thông: 8.800.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP).
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:  
Cổ phiếu phổ thông: 8.800.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP).
- Cổ tức: trả bằng tiền tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ năm 2009 là 20%/năm, đã tạm ứng đợt 1 trong năm là 8% và đợt 2 vào tháng 2/2010 là 7%. Dự kiến đợt 3 là 5%.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### 2.1 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế toàn hệ thống:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2008	Thực hiện 2009	Tỷ lệ Tăng-giảm
1. Doanh thu	310.974	208.305	-33,02%
2. Lợi nhuận trước thuế	21.314	36.153	69,62%
3. Lợi nhuận sau thuế:	18.532	28.264	52,52%
4. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ	18.212	27.821	52,76%
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.029	3.161	55,79%

## 2.2 Phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần TM-DV Bến Thành

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2008	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2009	So sánh (%)	
				2009/2008	TH/KH
1. Doanh thu	302.120	210.000	201.838	66,81	96,11
2. Lợi nhuận trước thuế	18.741	22.000	33.110	176,67	150,50
3. Lợi nhuận sau thuế:	16.692	17.500	26.168	156,77	149,53
4. Vốn điều lệ	88.000	88.000	88000	100,00	100,00
5. Tỷ suất LNTT/VĐL (%)	21,30	25,00	37,63	176,67	150,50
6. Tỷ suất LNST/VĐL (%)	18,97	19,89	29,74	156,77	149,53
7. Cổ tức (%)	15	15	20	133,33	133,33

### 2.2.1 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng Doanh thu: thực hiện 201,8 tỷ đồng, đạt 96,1% so kế hoạch năm, giảm 33,2% so cùng kỳ năm trước. Chi tiết như sau:

- **Kinh doanh thương mại:** doanh thu thực hiện 169 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 83,7% doanh thu, đạt 95,5% kế hoạch, giảm 39,5% so năm trước. Trong đó:
  - Lĩnh vực bán buôn: chủ yếu từ doanh thu hàng nhập khẩu như : sắt, thép và nguyên liệu công nghiệp, điện gia dụng... Trong kỳ thực hiện 41,8 tỷ đồng đạt 73,5% kế hoạch năm và giảm 73,4% so với cùng kỳ. Nguyên nhân giảm chủ yếu do công ty tiến hành tái cơ cấu lại các nguồn doanh thu theo hướng tập trung tăng nguồn doanh thu ở những ngành hàng có tỷ suất lợi nhuận cao, giảm doanh thu ở những ngành hàng có tỷ suất lợi nhuận thấp rủi ro cao.
  - Lĩnh vực bán lẻ: tiếp tục ổn định, doanh thu thực hiện 127 tỷ đồng chiếm 63% trên tổng doanh thu, đạt 105,9% kế hoạch và tăng nhẹ 4,5% so năm trước. Nguyên nhân tăng chủ yếu là từ khu vực bán lẻ tại chợ Bến Thành và Dân Sinh tiếp tục duy trì tốc độ phát triển tốt về doanh thu và lợi nhuận.

- **Kinh doanh dịch vụ ăn uống:** doanh thu thực hiện là 2,7 tỷ đồng đạt 105,7% kế hoạch năm và giảm nhẹ so năm trước. Nguyên nhân giảm do Công ty thu hồi mặt bằng 222-226 Lê Thánh Tôn để chuẩn bị thực hiện dự án đầu tư.
- **Kinh doanh dịch vụ bất động sản :** doanh thu thực hiện 30 tỷ đồng tăng 49,7% so với năm 2008. Nguyên nhân tăng do doanh nghiệp đưa vào khai thác cao ốc 186-188 Lê Thánh Tôn.

### 2.2.2 Chỉ tiêu lợi nhuận:

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện 33,1 tỷ đồng, đạt 150,5% kế hoạch năm và tăng 76,7% so năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ đạt 37,6%, tăng 76,7 %, tương tự tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 29,7% và tăng 56,8%.

### Phân tích cơ cấu lợi nhuận trước thuế năm 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		So sánh với 2008	
	Lợi nhuận	Tỷ trọng	Lợi nhuận	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ Tăng-giảm
1. Kinh doanh Thương Mại-Dịch vụ	14.182	75,67%	20.128	60,79%	5.946	41,93%
2. Hoạt động tài chính	- 1.559	- 8,32%	12.978	39,20%	14.537	-
3. Thu nhập khác	6.118	32,65%	4	0,01%	- 6.114	99,93%
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.741</b>	<b>100%</b>	<b>33.110</b>	<b>100%</b>	<b>14.369</b>	<b>76,67%</b>

### 2.3 Báo cáo hoạt động đầu tư tài chính :

- Tính đến 31/12/2009 Công ty đã tham gia đầu tư tài chính với tổng số vốn đầu tư là 68,9 tỷ đồng; trong đó
  - Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là 0,8 tỷ đồng.
  - Khoản đầu tư tài chính dài hạn là 68,1 tỷ đồng. *(chi tiết xem mục VI các công ty có liên quan)*
- Trong năm doanh nghiệp đã hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán là 6,4 tỷ đồng, số trích lập dự phòng hiện còn tính đến thời điểm cuối năm 2009 là 8,2 tỷ đồng, chủ yếu tập trung ở các cổ phiếu đầu tư dài hạn.



## 2.4 Thực hiện các dự án đầu tư:

Stt	Công trình	Diện tích khuôn viên (m2)	Quy mô Dự án			Ghi chú
			Số tầng	Diện tích xây dựng (m2)	Tổng giá trị đầu tư (triệu đồng)	
<b>I. Các dự án thực hiện trong năm 2009</b>						
1	Cao ốc VP 90-92 Đinh Tiên Hoàng, Q1	108	7 Tầng	942	9.819	Hoàn thành, đã cho thuê
2	Cao ốc VP và Trung tâm Kim hoàn 186 - 188 Lê Thánh Tôn, Q1	483	10 Tầng	3.633	36.000	Hoàn thành, đã cho thuê
3	Dự án Cao ốc VP 2-4 Lưu Văn Lang, Q1	115	7 Tầng	875	9.613	Đang xây dựng, khai thác 2010
<b>II. Các dự án sẽ triển khai 2010 - 2012</b>						
1	Khách sạn 25 Trương Định, Q1	74	8 Tầng	674	5.500	Đã có giấy phép XD
2	Dự án 289 Đinh Bộ Lĩnh	470	9 Tầng	2.051	33.000	Đang sửa chữa, hợp tác giáo dục
3	Cao ốc VP 129-131 Tôn Thất Đạm, Q1	501	10 Tầng	4.400	54.000	Đang lập thủ tục xin phép XD
4	Khách sạn 220 Lê Thánh Tôn, Q1	204	8 Tầng	1.895	14.500	Đang lập thủ tục xin phép XD
5	Cao ốc VP 222-224-226 Lê Thánh Tôn, Q1	231	9 Tầng	1.994	16.000	Đang lập thủ tục xin phép XD
6	Cao ốc VP 122-124 Hồ Tùng Mậu, Q1	121	7 Tầng	828	8.500	Đang lập thủ tục xin phép XD
7	Khách sạn 361 Trần Hưng Đạo, Q1	73	8 Tầng	670	6.000	Đang lập thủ tục xin phép XD
8	Cao ốc Văn phòng 119-120-121 Bến Chương Dương, Q1	610	12 Tầng	9.080	73.000	Đang xin thoả thuận chờ phê duyệt Sở Quy hoạch Kiến trúc
<b>III. Các dự án hợp tác đầu tư 2010 - 2015</b>						
1	Dự án Khu TM - DV Chợ Dân Sinh ( Phương án: 25 tầng; 40 tầng)	10.374	25 Tầng	125.000	2.700.000	Đang lập dự án xin chủ trương của UBND TP.HCM
2	Dự án Cao ốc văn phòng 99 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1	866	13 Tầng	7.705	60.000	Đã có giấy phép XD
<b>Tổng Cộng</b>		<b>14.230</b>		<b>159.747</b>	<b>3.025.932</b>	

### **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

- Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2009: đã hoàn thành được các chỉ tiêu cơ bản do Đại Hội Đồng Cổ Đông giao.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đều được duy trì hoạt động ổn định đúng theo định hướng phát triển đến năm 2015, ngoại trừ lĩnh vực kinh doanh bán buôn.
- Đảm bảo tình hình tài chính của doanh nghiệp lành mạnh; có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư và vốn lưu động của doanh nghiệp.
- Góp phần cùng xã hội, duy trì được việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 340 người lao động đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước

### **4. Kế hoạch phát triển trong năm 2010:**

#### **4.1 Dự báo tình hình:**

- Thị trường chứng khoán trong năm 2010 dự báo sẽ khó có sự tăng trưởng mạnh do chính sách thắt chặt tiền tệ và lãi suất cơ bản tăng.
- Tiền thuê đất, lãi vay dự kiến sẽ tăng do đó sẽ làm gia tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp, trong khi đó nhu cầu về cao ốc văn phòng đã có dấu hiệu giảm và hiện tượng nguồn cung về văn phòng cho thuê bắt đầu cao hơn so với cầu.
- Tín dụng tăng trưởng cao trong năm 2009, xu hướng phục hồi kinh tế là những nhân tố gây áp lực về mặt bằng giá cả và nguy cơ tái lạm phát..

#### **4.2 Mục tiêu:**

- Tiếp tục ổn định hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phát triển thêm những lĩnh vực hoạt động mới
- Phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010, gia tăng giá trị doanh nghiệp và nâng cao lợi ích cho cổ đông
- Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu lần đầu của Công ty trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 14 tháng 4 năm 2010.
- Nâng cao chất lượng đời sống của người lao động.
- Tăng cường công tác quản trị, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp

#### **4.3 Thực hiện kế hoạch năm 2010 với các chỉ tiêu cơ bản:**

- Doanh thu : 220 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 32 tỷ đồng
- Cổ tức tối thiểu : 18%/năm

#### **4.4 Nhiệm vụ - Giải pháp:**

##### **❖ Lĩnh vực kinh doanh thương mại**

- Tăng cường công tác dự báo tình hình thị trường, tỷ giá ngoại tệ; phát triển các sản phẩm mới tập trung nhập khẩu các nhóm máy móc thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu cung ứng cho sản xuất, trường dạy nghề ....
- Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động nhập khẩu và hoạt động bán lẻ của các đơn vị trực thuộc đồng thời mở rộng kênh phân phối thông qua các kênh trung tâm thương mại, siêu thị, thương mại điện tử.
- Tiếp tục đầu tư, hỗ trợ tích cực cho các Trung tâm bán lẻ của Công Ty nhằm duy trì mức độ tăng trưởng hàng năm.

##### **❖ Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ :**

- Tập trung nghiên cứu, mở rộng các loại hình kinh doanh mới: giáo dục, căn hộ cho thuê, khách sạn, nhà ở cho sinh viên và công nhân, dịch vụ chăm sóc sắc đẹp...
- nỗ lực tìm kiếm các khách hàng để ký kết các hợp đồng thuê đối với các mặt bằng còn trống và chuẩn bị đưa vào khai thác.

##### **❖ Thực hiện các dự án đầu tư**

- Tập trung mọi nỗ lực hoàn thành các thủ tục pháp lý để thực hiện các dự án đầu tư: dự án 129-131 Tôn Thất Đạm; dự án 25 Trương Định, dự án 289 Đinh Bộ Lĩnh, dự án 220 Lê Thánh Tôn, dự án 222-226 Lê Thánh Tôn, dự án 119-121 Bến Chương Dương.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án 2-4 Lưu Văn Lang để đưa vào khai thác trong quý 1 năm 2010.
- Nghiên cứu đề trình HĐQT thực hiện dự án đầu tư tại 122-124 Hồ Tùng Mậu và Dự án 361 Trần Hưng Đạo.
- Tiến hành đàm phán với các đối tác thúc đẩy nhanh việc thực hiện các dự án: Dự án 99 Nguyễn Thị Minh Khai, Dự án khu phức hợp thương mại - dịch vụ Dân Sinh.

##### **❖ Lĩnh vực đầu tư tài chính**

- Xem xét tình hình biến động của thị trường chứng khoán, tiến hành thanh toán một số cổ phiếu để thu hồi vốn đầu tư nhằm giảm thiểu các rủi ro.
- Tập trung đầu tư tài chính dài hạn vào một số doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt, kinh doanh có hiệu quả và một số ngành doanh nghiệp có kinh nghiệm quản lý và phù hợp với ngành nghề đang kinh doanh.

- Hạn chế hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán ngắn hạn, tiến hành trích lập các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định.

#### ❖ **Hoạt động nghiên cứu phát triển**

- Kết hợp việc niêm yết cổ phiếu với việc xây dựng thực hiện chiến lược quảng bá thương hiệu.
- Phối hợp với bộ phận kinh doanh tập trung nghiên cứu đề xuất kinh doanh các sản phẩm, ngành hàng, dịch vụ và loại hình kinh doanh mới giúp cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tình hình giai đoạn hiện nay và sắp tới.

#### ❖ **Công tác tài chính - kế toán**

- Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát chặt chẽ việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo tình hình tài chính ổn định, lành mạnh và cơ cấu vốn hợp lý.
- Tổ chức phân tích, đánh giá, kiểm soát các khoản chi phí nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tăng cường công tác dự báo và thường xuyên kiểm soát đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục tiêu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tiếp tục mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, Ngân hàng; nghiên cứu khai thác các kênh tạo nguồn vốn nhằm gia tăng tiềm lực về tài chính doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu vốn dài hạn cho các dự án đầu tư.

#### ❖ **Công tác tổ chức và phát triển nguồn nhân lực**

- Đánh giá lại toàn bộ thực trạng nhân sự của doanh nghiệp, tiếp tục tiến hành tái cấu trúc lại bộ máy và hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý, điều hành nhằm tạo điều kiện bộ máy điều hành vận hành phù hợp với tình hình phát triển và đổi mới của doanh nghiệp hiện nay.
- Tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo đội ngũ CBCNV phù hợp với mục tiêu phát triển từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp .
- Tuyển dụng lực lượng trẻ chuyên nghiệp bổ sung vào nguồn nhân lực của Công ty, dần thay thế các lao động nghỉ việc theo chế độ
- Xây dựng, bổ sung chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng để làm đòn bẩy động viên khuyến khích người lao động phát huy sự năng động, sáng tạo và thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính sau hợp nhất và trước hợp nhất đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán và được đính kèm cùng báo cáo này.

#### **V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

##### **1. Kiểm toán độc lập:**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC (AISC)
- Ý kiến kiểm toán độc lập: báo cáo kiểm toán được đính kèm cùng báo cáo này.

##### **2. Kiểm toán nội bộ: Không có.**

#### **VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

##### **1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức:**

Công Ty TNHH TMDV Bến Thành Sun Ny: vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, công ty góp vốn chiếm 90% VDL.

##### **2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức: Chưa có.**

##### **3. Tình hình đầu tư và tóm tắt về hoạt động, tình hình tài chính của các công ty liên quan tính đến 31/12/2009:**

###### **❖ Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny :**

Là công ty con với vốn đầu tư là **12.000.000.000** đồng (mệnh giá đầu tư là 9.000.000.000 đồng, chiếm 90% Vốn điều lệ). Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny đang khai thác dự án cao ốc văn phòng cho thuê 208-210 Lê Thánh Tôn; dự án đã đi vào hoạt động trong năm 2008 và đang phát huy hiệu quả. Tính đến 31/12/2009, tổng doanh thu là 9,494 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ là 3,98 tỷ đồng tương đương 33,23% vốn đầu tư

###### **❖ Công ty CP Đầu tư & Kỹ Thuật XD Bến Thành :**

Công ty góp vốn và tham gia quản trị điều hành. Vốn đầu tư tham gia trong đợt một là **1.200.000.000** đồng (Tỷ lệ Công ty tham gia góp vốn là 30% Vốn điều lệ) trên số vốn cam kết là 6.000.000.000 đồng, để cùng hợp tác khai thác dự án cao ốc văn phòng 99 Nguyễn Thị Minh Khai.

### ❖ Cao ốc 99 Nguyễn T. Minh Khai (Quận 1) :



- Hình thức kinh doanh: Hợp tác đầu tư.
- Dự kiến Khởi công : 2010
- Dự kiến Hoàn thành: 2012
- Diện tích khu đất : 866 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 7.705 m<sup>2</sup>.
- Quy mô xây dựng : 2 tầng hầm, 1 tầng trệt, 1 tầng lửng, 11 tầng lầu, 1 tầng kỹ thuật.
- Chức năng : Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê.
- Tổng vốn đầu tư (dự kiến) : **60.000.000.000** đồng .

### ❖ Công ty TNHH Bến Thành – Savico:

Công ty TNHH Bến Thành Savico có trụ sở tại 17-19 Trần Hưng Đạo. Công ty góp vốn và tham gia quản trị điều hành, tổng vốn đầu tư là **0,7 tỷ** đồng (chiếm 23% Vốn điều lệ) là Công ty liên kết cùng hợp tác khai thác ngành xe 2 bánh tay ga nhãn hiệu SYM, Tổng doanh thu thực hiện năm 2009 là 97,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1,98 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ 66%, tỷ lệ cổ tức chia cho các thành viên trong năm 2009 là 40%. Trong thời gian tới dự kiến sẽ tiếp tục hợp tác khai thác ngành xe hơi nhãn hiệu SYM.

### ❖ Công ty CP Đầu tư & DV Dân Sinh

Đây là dự án hợp tác cùng với 3 công ty nhằm xây dựng và khai thác Trung Tâm Thương Mại Tài chính & Dịch vụ tại Khu vực chợ Dân Sinh. Ben Thanh TSC đã góp vốn đầu tư đợt một là **0,5 tỷ** đồng. Hiện đang xin chủ trương của UBND Thành phố HCM.  
Dự kiến :

- Diện tích đất đầu tư : 10.374 m<sup>2</sup>.
- Tổng vốn đầu tư : trên 2.700 tỷ đồng.

TTTM-TC-DV Dân Sinh



### ❖ Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Phương Đông (OCB)

Vốn điều lệ : 2.000.000.000.000 VNĐ.

Công ty sở hữu cổ phần và tham gia quản trị điều hành. Tính đến ngày 31/12/2009, vốn góp của Công ty là: **29.037.972.453** đồng (số cổ phần sở hữu: 2.567.478 cổ phần), chiếm 1,28% vốn điều lệ ngân hàng.

Định hướng và mục tiêu chiến lược của OCB là trở thành một trong những Ngân hàng bán lẻ hàng đầu (nhóm 1) tại Việt Nam, có tốc độ phát triển nhanh, an toàn và bền vững với khách hàng mục tiêu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ và cá nhân có nhu cầu được cung ứng các tiện ích Ngân hàng với chất lượng tốt nhất.

❖ **Công ty Cổ phần chứng khoán Phương Đông (ORS)**

Vốn điều lệ : 240.000.000.000 VNĐ.

Ben Thanh TSC tham gia góp vốn từ những ngày đầu ORS mới thành lập, tính đến ngày 31/12/2009, vốn góp của Công ty là **9.000.000.000** đồng (số cổ phần sở hữu: 900.000 cổ phần), chiếm 3,75% Vốn điều lệ.

Với sự hỗ trợ tích cực của các cổ đông sáng lập là các tổ chức tài chính lớn, có tiềm lực về vốn, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính như: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico), Tổng Công ty Bến Thành (Ben Thanh Group),... Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông có cơ sở để phát triển mạnh và bền vững trong thị trường. Với quan điểm kinh doanh là “Hợp tác - Chia sẻ - Cùng Thịnh vượng”, cùng đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao, ORS đang dần khẳng định được vị thế của mình trên thị trường chứng khoán trong nước.

❖ **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) :**

Tính đến ngày 31/12/2009, Công ty đã đầu tư mua cổ phiếu của ngân hàng với tổng giá trị vốn góp là **3.368.585.937** đồng (tương ứng 118.599 cổ phần). Eximbank là một trong những Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của Việt Nam và đang phát triển nhanh. Thế mạnh của Eximbank cung cấp các dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Ngân hàng có đội ngũ nhân viên tận tâm, nhiệt tình và trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng.

❖ **Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông (VASS) :**

Tính đến ngày 31/12/2009, Công ty đã đầu tư mua cổ phiếu với số tiền là: **2.800.000.000** đồng (tương ứng 100.000 cổ phần).

Lợi thế cạnh tranh của VASS tập trung ở một số lĩnh vực bảo hiểm chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu của công ty như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người, bảo hiểm hàng hải...

#### ❖ Công ty Cổ phần Xây dựng COTECIN :

Công ty đầu tư với tư cách là cổ đông chiến lược của doanh nghiệp, với tổng vốn đầu tư là **5.000.000.000 đồng** (tương ứng 200.000 cổ phần), chiếm 7,36% VDL.

Đây là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực: Dịch vụ xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; Dịch vụ tư vấn xây dựng: lập dự án, thiết kế, giám sát, quản lý dự án; Đầu tư kinh doanh bất động sản; đầu tư tài chính vào các Công ty cổ phần khác và Sản xuất bê tông thương phẩm.

#### ❖ Công ty Cổ Phần Bến Thành - Long Hải:



- Vốn điều lệ: 43 tỷ đồng
- Tổng diện tích dự án : 12,436 ha
- Tổng vốn đầu tư giai đoạn I là **45,4 tỷ đồng**, xây dựng trên diện tích 2,4 ha.

Doanh nghiệp khai thác mảng dịch vụ liên quan đến khu phức hợp Resort, khách sạn nhà hàng. Vốn đầu tư của Ben Thanh TSC là **3.440.000.000 đồng** (chiếm 8% Vốn điều lệ). Hiện tại, khu phức hợp đang trong giai đoạn quảng bá, thu hút khách hàng, và bước đầu được đưa vào khai thác, tạo được ấn tượng tốt với khách hàng sử dụng dịch vụ.

#### ❖ Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc Bài:



Vốn góp của Ben Thanh TSC là **1.000.000.000 đồng** (chiếm 9,26 % vốn pháp định). Hiện tại, đã hoàn thành việc giải phóng và san lấp mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng kinh doanh kho bãi.

#### ❖ Công ty TNHH Phở 2000:

Trụ sở tại số 1-3 Phan Chu Trinh, với vốn đầu tư của Ben Thành TSC là **100 triệu đồng** chiếm 16,67% Vốn điều lệ. Doanh nghiệp hiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tỷ lệ cổ tức chia từ lợi nhuận năm 2009 là 35,6%.



## ❖ Công ty TNHH Thương Mại Thanh Thế

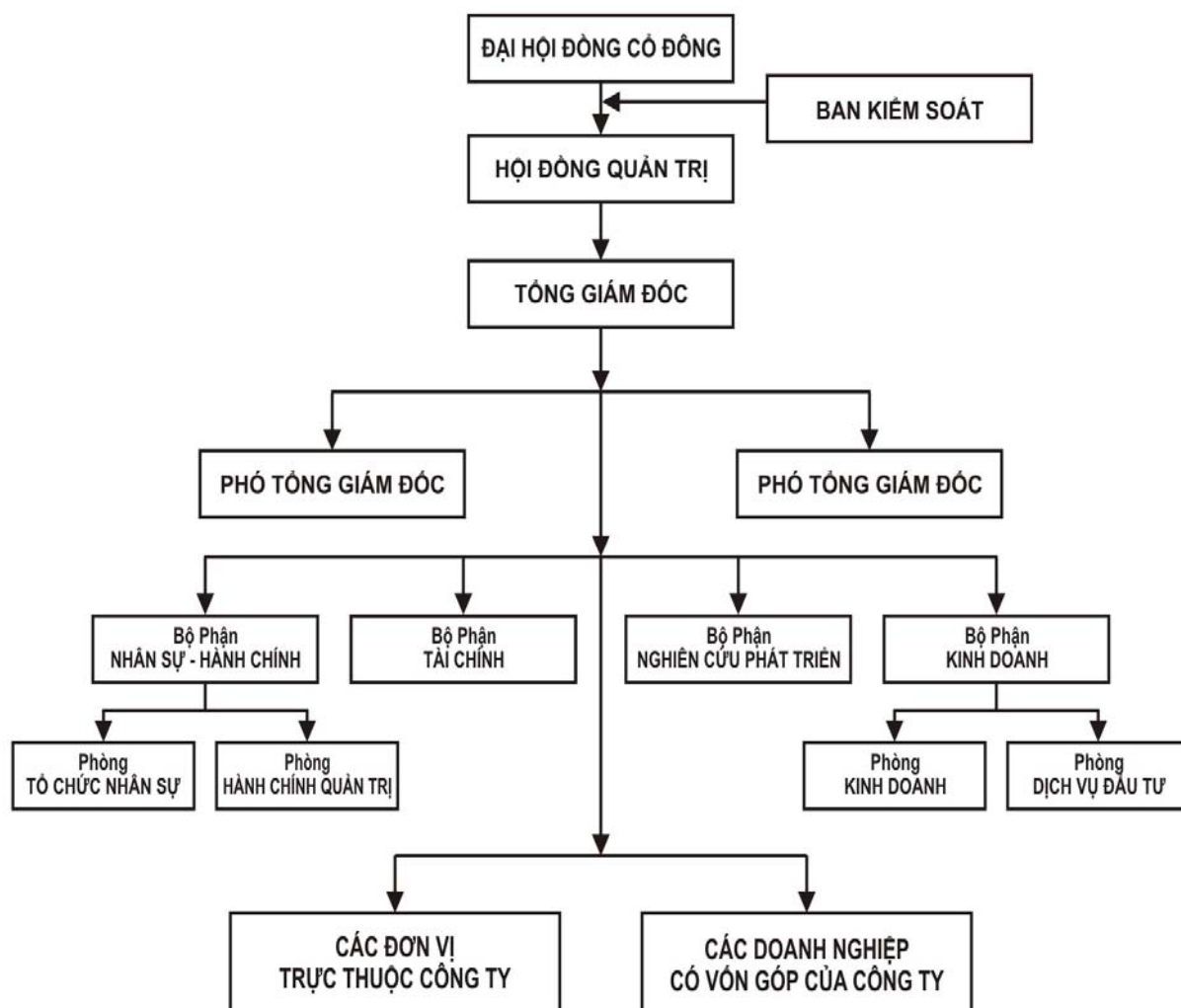
Trụ sở tại số 190 Lý Tự Trọng, với vốn đầu tư của Ben Thành TSC dự kiến là **400 triệu** đồng chiếm 20% Vốn điều lệ. Doanh nghiệp được thành lập để khai thác dự án cao ốc văn phòng cho thuê tại 2-4-6 Lưu Văn Lang.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

Công ty tập trung khai thác hoạt động kinh doanh trên địa bàn trung tâm thành phố. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Văn phòng Công ty, 04 trung tâm kinh doanh (Trung tâm Bến Thành Đông, Trung tâm Bến Thành Tây, Trung tâm Dân Sinh, Trung tâm vàng bạc đá quý Bến Thành), 01 Công ty con (Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny), và các cửa hàng trực thuộc, hợp tác liên doanh trên địa bàn trung tâm quận 1 và các quận lân cận trong thành phố.

#### 1.1 Mô hình tổ chức quản lý của công ty:



- Hội đồng quản trị	:	05 người
- Ban kiểm soát	:	03 người
- Ban Tổng Giám đốc	:	03 người
- Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ	:	40 người
▪ Nhân sự hành chính	:	20 người
▪ Tài chính	:	7 người
▪ Kinh doanh	:	9 người
▪ Nghiên cứu phát triển	:	4 người
- Các đơn vị trực thuộc	:	299 người

## 1.2 Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản lý công ty

### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất trong Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty về tình hình hoạt động kinh doanh và quản lý Công ty, quyết định các phương án phát triển dài hạn của Công ty, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và theo pháp luật hiện hành.

### **Hội đồng quản trị**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

### **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 người do ĐHĐCĐ bầu ra, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm.

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ban điều hành hiện tại của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc, hai Phó Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và nghĩa vụ điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### ***Chức năng, nhiệm vụ chung của các bộ phận :***

Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có các quyền và nhiệm vụ chung như sau:

- Trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn - nghiệp vụ theo phân cấp của TGD và theo quy định tại Quy chế quản trị điều hành Công ty.
- Tham mưu TGD trong các lĩnh vực được phân công nhằm đưa hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.
- Phối hợp với các bộ phận chuyên môn - nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Công ty để thực hiện tốt nhiệm vụ.
- Hướng dẫn và kiểm tra nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Xây dựng mục tiêu, chiến lược cấp chức năng và kế hoạch hàng năm của bộ phận trình TGD.
- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho TGD về kết quả hoạt động, những thuận lợi, khó khăn và đề xuất hướng giải quyết hoặc các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận.
- Đề xuất TGD khen thưởng, kỷ luật đối với các nhân viên trong Bộ phận.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế quản trị điều hành Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.

***Giám đốc bộ phận có trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động của Bộ phận theo chức năng, nhiệm vụ được quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của TGD.***

***Nhân viên thuộc bộ phận có trách nhiệm thực hiện các công việc theo sự phân công của Giám đốc bộ phận.***

#### ***1.2.1 Bộ phận nhân sự hành chính***

Bộ phận Nhân sự - Hành chính tham mưu, giúp việc TGD trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, lao động - tiền lương và quản trị hành chính. Bộ phận Nhân sự - Hành chính có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Tham mưu TGD về chiến lược nhân sự; đánh giá, đào tạo cán bộ; lao động tiền lương; phương án tổ chức bộ máy điều hành; bố trí nhân sự; giải quyết tranh chấp lao động; quản lý tài sản; công tác pháp chế của Công ty; nội quy Công ty.
- Tổ chức thực hiện các công việc sau:
  - Công tác lao động tiền lương; tuyển dụng, đào tạo, điều động, nâng lương cho người lao động của Công ty.
  - Các chính sách đối với người lao động; thống kê lao động; quản lý hồ sơ của người lao động; xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương.

- Công tác văn thư – lưu trữ, in ấn tài liệu; quản lý con dấu Công ty.
  - Quản lý trang thiết bị, tài sản và hệ thống kho bãi của Công ty; lưu trữ hồ sơ nguồn gốc các loại tài sản; tổ chức mua sắm, sửa chữa tài sản; điều chuyển, thanh lý tài sản theo nhu cầu của Công ty.
  - Công tác bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, văn minh thương nghiệp trong Công ty.
  - Tổ chức công tác thi đua; lễ tân, khánh tiết, quản lý các phương tiện đi lại đảm bảo vận chuyển kịp thời, an toàn.
- Hướng dẫn và kiểm tra về công tác tổ chức nhân sự, lao động – tiền lương, thực hiện các chính sách đối với người lao động, công tác hành chính tại các đơn vị trực thuộc Công ty.
  - Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận, các đơn vị trực thuộc Công ty trong việc thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận mình.
  - Các quyền hạn và nhiệm vụ khác do TGD quyết định.

***Điều hành hoạt động của Bộ phận Nhân sự - Hành chính là Giám đốc Bộ phận, chịu trách nhiệm trước TGD về kết quả hoạt động của Bộ phận mình.***

### **1.2.2 Bộ phận Tài chính**

Bộ phận tài chính tham mưu, giúp việc TGD trong việc đánh giá hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính doanh nghiệp, công tác kế toán; quản lý vốn, tài sản; quản lý tiền mặt. Bộ phận tài chính có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tham mưu TGD trong lĩnh vực tài chính, kế toán, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, hiệu quả kinh doanh trong từng lĩnh vực; tham mưu và xử lý các tình huống khẩn cấp về tài chính của Công ty.
- Tổ chức thực hiện các công việc sau:
  - Công tác kế toán, bộ máy kế toán theo đúng quy định pháp luật và Luật kế toán.
  - Ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản của Công ty.
  - Quản lý các khoản thu, chi và quyết toán tài chính đúng theo quy định Nhà đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - Lập kế hoạch tài chính trung hạn, dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty.

- Theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kê cả hiệu quả phần vốn Công ty góp vào các doanh nghiệp khác; lưu trữ các hồ sơ liên quan đến dự án liên doanh, liên kết có vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác.
  - Kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất việc quản lý tài sản, hàng hóa, vật tư tại các đơn vị trực thuộc Công ty.
  - Lập báo cáo tổng kết và đánh giá hoạt động kinh doanh định kỳ, hằng năm của Công ty.
- Phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị kinh doanh trực thuộc công tác kế toán, chấp hành các chính sách thuế, chính sách tài chính, các định mức chỉ tiêu do Công ty quy định.
  - Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận, các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện công việc liên quan chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận mình.
  - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của TGD Công ty.

***Điều hành hoạt động của Bộ phận Tài chính là Giám Đốc Bộ Phận, chịu trách nhiệm trước TGD về kết quả hoạt động của Bộ phận mình.***

***Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định luật Kế toán và quy định pháp luật có liên quan.***

### **1.2.3 Bộ phận Nghiên cứu phát triển**

Bộ phận nghiên cứu phát triển tham mưu, giúp việc TGD trong lĩnh vực nghiên cứu thị trường; xây dựng chiến lược phát triển Công ty; xúc tiến đầu tư và thương mại; lập dự án đầu tư, quản lý và phát triển công nghệ thông tin của Công ty. Bộ phận nghiên cứu phát triển có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tham mưu TGD các vấn đề sau:
  - Chiến lược phát triển Công ty, phương thức hoạt động kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu Công ty.
  - Biện pháp thực hiện để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ của Công ty, các phương án phát triển ngành hàng, dịch vụ mới có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế cao, các chính sách phân phối, mở rộng thị trường, các phương thức hợp tác, liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế.
- Tổ chức thực hiện các công việc sau:
  - Nghiên cứu thị trường: Phân tích, đánh giá hiện trạng, triển vọng quan hệ cung cầu sản phẩm, dịch vụ trên thị trường và xu thế giá cả; tổ chức dự

báo, xác định nhu cầu khách hàng; nghiên cứu các lĩnh vực khác theo yêu cầu của các bộ phận, các đơn vị trực thuộc Công ty.

- Tìm kiếm các đối tác có năng lực, các thị trường tiềm năng, các dự án khả thi trình TGD.
  - Thực hiện nhiệm vụ quan hệ cộng đồng (PR): tổ chức các sự kiện như hội nghị, họp báo, giới thiệu sản phẩm, khai trương, khánh thành,... viết tài liệu giới thiệu, bản tin, thông cáo báo chí, tổ chức các hoạt động xã hội,... nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu Công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
  - Thực hiện và theo dõi các dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ lúc khởi công xây dựng cho đến khi hoàn tất việc xây dựng.
  - Căn cứ định hướng của HĐQT, xây dựng chiến lược phát triển các mặt hoạt động của Công ty.
  - Xây dựng kế hoạch marketing cho hoạt động Công ty.
  - Quản lý và phát triển website, hệ thống thông tin nội bộ Công ty qua mạng.
- Thông tin đến các bộ phận, đơn vị trực thuộc Công ty về xu thế thị trường có liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
  - Phối hợp với các bộ phận, các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của bộ phận mình.
  - Các chức năng và nhiệm vụ khác theo quyết định của TGD Công ty.

***Điều hành hoạt động của Bộ phận Nghiên cứu phát triển là Giám Đốc Bộ Phận, chịu trách nhiệm trước TGD về kết quả hoạt động của Bộ phận mình.***

#### **1.2.4 Bộ phận Kinh doanh**

Bộ phận Kinh doanh tham mưu, giúp việc TGD trong các hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện nhiệm vụ tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh. Bộ phận kinh doanh có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tham mưu TGD các vấn đề sau:
  - Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh; quản lý, điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh.
  - Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch quý, năm cho các đơn vị trực tiếp kinh doanh.
  - Nội dung các hợp đồng kinh tế theo đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty, cung ứng các dịch vụ xuất nhập khẩu.
  - Quản lý và theo dõi thực hiện các hợp đồng kinh tế.
  - Thực hiện có hiệu quả và đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm của Công ty trên cơ sở phối hợp với các đơn vị kinh doanh trực thuộc và trực tiếp tổ chức kinh doanh.
  - Tìm kiếm, đàm phán hợp tác kinh doanh, liên doanh với các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư khai thác các phương án, dự án do Công ty giao.
  - Lập các phương án đầu tư, dự án đầu tư theo kết quả đàm phán và theo đúng trình tự, thủ tục của Công ty và pháp luật liên quan.
  - Tổ chức quản lý và khai thác kinh doanh dịch vụ tại các mặt bằng Công ty giao quản lý, khai thác.
  - Phối hợp với các bộ phận chức năng, các đơn vị trực thuộc có liên quan để lập các phương án quy hoạch sửa chữa, nâng cấp các mặt bằng của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
  - Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định, tổng hợp và báo cáo nhanh về kết quả kinh doanh của Công ty.
  - Đánh giá, phân tích các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty, các khó khăn, thuận lợi và kịp thời báo cáo, đề xuất TGD hướng giải quyết.
  - Triển khai thực hiện kế hoạch marketing của Công ty trong một số hoạt động liên quan đến công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, dịch vụ hậu mãi, hội nghị khách hàng.
- Hướng dẫn nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc, kiểm tra và đôn đốc tiến độ thực hiện kế hoạch của các đơn vị kinh doanh.
  - Phối hợp với các Bộ phận, đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện các công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận mình đạt hiệu quả cao nhất.
  - Các chức năng và nhiệm vụ khác theo quyết định của TGD Công ty.

***Điều hành hoạt động của Bộ phận Kinh doanh là Giám Đốc Bộ Phận, chịu trách nhiệm trước TGD về hiệu quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Bộ phận mình.***

### **1.2.5 Các đơn vị trực thuộc**

Các đơn vị trực thuộc có chức năng trực tiếp kinh doanh theo kế hoạch và định hướng của Công ty; tham mưu giúp việc TGD điều hành hoạt động

kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, hàng hóa, tài sản tại đơn vị. Các đơn vị trực thuộc có các quyền và nhiệm vụ như sau :

- Tham mưu TGD về những thị trường tiềm năng, các mặt hàng, lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả cao, các biện pháp mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty; đề xuất ý kiến nâng cao hiệu quả kinh doanh tại đơn vị.
- Quản lý, điều hành và khai thác tốt nguồn nhân lực, vốn, hàng hóa, tài sản, ưu thế vị trí kinh doanh tại đơn vị nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh doanh, dịch vụ thuộc phạm vi đơn vị đạt hiệu quả.
- Thực hiện các quy chế, quy định của Công ty và quy định pháp luật liên quan trong quá trình tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh tại đơn vị.
- Lập chứng từ, tổ chức hạch toán theo phân cấp kế toán và các chỉ tiêu tài chính; thực hiện tốt việc thanh toán, thu hồi công nợ trong hoạt động kinh doanh tại đơn vị; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định Công ty và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của TGD.
- Thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty nhằm phát huy tối đa nội lực tổng hợp mạng lưới kinh doanh toàn Công ty.
- Chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của Công ty trong việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty, các quy định pháp luật liên quan tại đơn vị.
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chuyên môn - nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc khác nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của TGD.

*Trưởng (Giám đốc) đơn vị trực thuộc Công ty là người tổ chức điều hành mọi hoạt động tại đơn vị, chịu trách nhiệm chính trước TGD về toàn bộ hoạt động và hiệu quả kinh doanh của đơn vị do mình phụ trách.*

## 2. Các thành viên Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Ông Đỗ Hùng Kiệt	Tổng Giám đốc	01/2/2009	-
2. Ông Đào Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/5/2009	-
3. Ông Phan Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2009	-



### 3. Tóm tắt lý lịch của HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng:

#### 3.1 Hội đồng quản trị

##### ❖ Ông : VƯƠNG CÔNG MINH – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 02/11/1954    ▪ Nơi sinh : TP.HCM
- Số CMND : 020350589 cấp ngày 03/08/2005 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam    ▪ Dân tộc : Kinh    ▪ Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 110 Hoàng Diệu, Phường 14, Quận 4, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 3829 3332
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị

##### Quá trình công tác

- | Thời gian :          | Chức danh :                                |
|----------------------|--|
| - Từ 1990 - 1993     | : Giám đốc Công ty Vật Tư Quận 1           |
| - Từ 1994 - 1997     | : Giám đốc Công ty XNK & Dịch vụ Q.1       |
| - Từ 1999 - 2003     | : Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành     |
| - Từ 1999 đến nay    | : Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bến Thành |
| - Từ 04/2005 đến nay | : Chủ tịch HĐQT Công ty CP TM-DV Bến Thành |
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
    - Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Bến Thành. (TCT Bến Thành là TCT Nhà nước)
    - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Du Lịch Bến Thành – Non Nước.
    - Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên Công ty Liên Doanh Khách Sạn Saigon Riverside.
    - Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên Công ty TNHH Liên Doanh Khách Sạn Plaza.
  - Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là: 2.050.456 cổ phần

##### Trong đó:

- |            |   |  |
|------------|---|--|
| - Cá nhân  | : | 27.091 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ  |
| - Đại diện | : | 2.023.365 cổ phần, chiếm 22,99% vốn điều lệ<br>(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành) |
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1. Vương Nguyễn Ngọc Trâm	Con ruột	11.650 cổ phần
2. Tổng Công ty Bến Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	3.372.273 cổ phần
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hành vi vi phạm pháp luật : Không</li> <li>▪ Những khoản nợ đối với Công ty : Không</li> <li>▪ Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không</li> <li>▪ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không</li> </ul>		

❖ **Bà : NGUYỄN THỊ THANH HÀ – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 01/01/1954    ▪ Nơi sinh : Tiền Giang
- Số CMND : 022079623 cấp ngày 11/01/1997 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam    ▪ Dân tộc : Kinh    ▪ Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 133 Nguyễn Phúc Nguyên , Phường 10, Quận 3, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 3822 3390
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác
 

Thời gian :	Chức danh :
- Từ 08/1975 – 12/1977	: Kế toán kho Nhà máy Vikyno Biên Hòa, thuộc Công ty Cơ khí – Bộ Cơ khí Luyện kim.
- Từ 01/1978 – 05/1978	: Kế toán kho Cty Thiết bị Đông lạnh thuộc Sở Công nghiệp TP.HCM
- Từ 06/1978 – 06/1979	: Kế toán Xí nghiệp cung ứng Vật tư Quận 1.
- Từ 07/1979 – 02/1985	: Kế toán trưởng Xí nghiệp cung ứng Vật tư Quận 1.
- Từ 03/1985 – 06/1992	: Kế toán trưởng – Trưởng Phòng Kế toán Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Chợ Bến Thành.
- Từ 07/1992 – 10/1997	: Kế toán trưởng – Trưởng Phòng Kế toán Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành.
- Từ 10/1997 – 08/2001	: Phó Giám đốc Cty TMTH Bến Thành, thuộc Tổng Công ty Bến Thành

- Từ 09/2001 – 04/2004 : Giám đốc Cty TMTH Bến Thành, thuộc Tổng Công ty Bến Thành
  - Từ 04/2004 – 01/2009 : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần TM-DV Bến Thành
  - Từ 04/2004 đến nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP TM-DV Bến Thành
  - Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
    - Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông.
    - Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TM CP Phương Đông.
    - Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Xây dựng Bến Thành.
  - Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là : 50.000 cổ phần
- Trong đó:
- Cá nhân : 50.000 cổ phần, chiếm 0,57% vốn điều lệ.
  - Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Số cổ phần của những người có liên quan:
- | Họ và tên                       | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|---------------------------------|------------------------|--------------------|
| 1. CTCP Chứng khoán Phương Đông | Phó Chủ tịch HĐQT      | 379.003 cổ phần    |
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
  - Những khoản nợ đối với Công ty : Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

**❖ Ông: ĐỖ HÙNG KIẾT – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 30/04/1966 ; Nơi sinh : TP.HCM
- Số CMND : 022543770 cấp ngày 17/06/2004 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 219/18 Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 3822 1967
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành kế toán
- Quá trình công tác

- | <i>Thời gian</i>  | <i>Chức danh</i>  |
|---|---|
| ▪ Từ 11/1986 - 11/2000  | : Kế toán Công ty TNHH Chợ Dân Sinh, Công ty TMTH Bến Thành                         |
| ▪ Từ 12/2000 - 03/2004  | : Kế toán tổng hợp Công ty TMTH Bến Thành   |
| ▪ Từ 04/2004  | : Phó phòng kế toán - tài vụ Công ty TMTH Bến Thành                                 |
| ▪ Từ 05/2004 - 06/2007  | : Kế toán trưởng Công ty CP TM - DV Bến Thành                                       |
| ▪ Từ 07/2007 - 01/2009  | : Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty CP TM - DV Bến Thành            |
| ▪ Từ 02/2009 đến nay  | : Tổng Giám Đốc Công ty CP TM - DV Bến Thành  |
| ▪ Từ 04/2009 đến nay  | : Thành viên HĐQT Công ty CP TM - DV Bến Thành                                      |
| ▪ Chức vụ công tác hiện nay :   | Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty.<br>tại Tổ chức niêm yết                     |
| ▪ Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:                               |   |
| - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bến Thành Sunny.                               |   |
| - Thành viên HĐQT Công ty cổ Phần Đầu tư và Dịch vụ Dân Sinh.               |   |
| - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và KT Xây dựng Bến Thành.          |   |
| ▪ Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là: 694.454 cổ phần |   |
| Trong đó:   |   |
| - Cá nhân   | : 20.000 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ   |
| - Đại diện  | : 674.454 cổ phần, chiếm 7,67% vốn điều lệ<br>(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành) |
| ▪ Số cổ phần của những người có liên quan :                                 | Không   |
| ▪ Hành vi vi phạm pháp luật   | : Không   |
| ▪ Những khoản nợ đối với Công ty  | : Không   |
| ▪ Lợi ích liên quan đối với Công ty   | : Không   |
| ▪ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty   | : Không   |

**❖ Ông: ĐÀO VĂN HÙNG – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18/03/1955 ; Nơi sinh : Đồng Tháp
- Số CMND : 020472651 cấp ngày 22/04/2003 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đồng Tháp
- Địa chỉ thường trú : 29 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 3829 0756
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật, Cử nhân hành chính
- Quá trình công tác

- | <i>Thời gian</i>       | <i>Chức danh</i>   |
|------------------------|--|
| - Từ 05/1970 – 04/1975 | : Công tác tại Ban quân sự thành đoàn TP.HCM   |
| - Từ 05/1975 – 03/1976 | : Bí thư Phường Đoàn Đống Ba, Ủy viên Quận đoàn Phú Nhuận  |
| - Từ 04/1976 – 08/1986 | : Được cử đi học Trường Bổ túc Công Nông Thủ Đức & Trường Đại Học Kinh tế TP.HCM                           |
| - Từ 09/1986 04/2004   | : Cán bộ tổng hợp, Phó phòng, Trưởng phòng tổ chức HCQT Công ty TNHH Chợ Bến Thành, Công ty TMTB Bến Thành |
| - Từ 05/2004 – 04/2009 | : Thành viên HĐQT, Giám Đốc Nhân sự - Hành chính Công ty CP TM – DV Bến Thành                              |
| - Từ 05/2009 đến nay   | : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Nhân sự - Hành chính Công ty CP TM – DV Bến Thành           |
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Nhân sự - Hành chính Công ty.
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
  - Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là: 41.154 cổ phần
  - Trong đó:
    - Cá nhân : 41.154 cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ
    - Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Số cổ phần của những người có liên quan:
 

<i>Họ và tên</i>	<i>Quan hệ với người khai</i>	<i>Số cổ phần nắm giữ</i>
1. Ngô Thị Kim Loan	Vợ	6.733 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
  - Những khoản nợ đối với Công ty: Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**❖ Ông: CUNG TRẦN VIỆT – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/09/1969    ▪ Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 023323508 cấp ngày 28/02/2006 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam    ▪ Dân tộc : Kinh    ▪ Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 26/20 B3, Đinh Tiên Hoàng, Phường 1, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 3829 0756
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ thực phẩm; Cao học tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác :

Thời gian :

Chức danh :

- Từ 1998 – 2001 : Chuyên viên Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP.HCM
- Từ 2001 – 2008 : Giảng viên Đại học Quốc gia TP.HCM
- Từ 04/2005 – 11/2006 : Giám đốc Phân tích Công ty Quản lý quỹ Vietnam Holding
- Từ 12/2006 đến nay : Giám đốc Phân tích Cty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt
- Từ 04/2009 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT Công ty.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT, Giám đốc Phân tích Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là: 0 cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1. Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt, do Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt quản lý.	Thành viên HĐQT, Giám đốc Phân tích	650.000
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

### 3.2 Thành viên Ban Tổng Giám Đốc

❖ **Ông: ĐỖ HÙNG KIỆT – Tổng Giám Đốc**  
 Hồ sơ chi tiết đã được thể hiện ở trang 35.

❖ **Ông: ĐÀO VĂN HÙNG – Phó Tổng Giám Đốc**  
 Hồ sơ chi tiết đã được thể hiện ở trang 36.

❖ **Ông: PHAN VĂN QUANG – Phó Tổng Giám Đốc**

- *Giới tính* : *Nam*
- *Ngày sinh* : *21/11/1965 ; Nơi sinh : Thành phố Huế*
- *Số CMND* : *190951126 cấp ngày 06/08/1996 tại CA Thừa Thiên Huế*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam ; Dân tộc : Kinh*
- *Quê quán* : *Phú Vang – Thừa Thiên Huế*
- *Địa chỉ thường trú* : *29/8G Nguyễn Bình Khiêm, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *3822 3390*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Cử nhân Tài chính ngân hàng; Cử nhân kinh tế.*
- *Quá trình công tác*

*Thời gian*

*Chức danh*

- *Từ 1989 – 1990* : *Kế toán tổng hợp khách sạn Công ty Vận tải ô tô Thừa Thiên Huế*
- *Từ 1991 – 1995* : *Phụ trách kinh doanh Cửa hàng DV điện tử Tràng Tiền (TP Huế).*
- *Từ 1995 – 1997* : *Trưởng phòng Tài chính kế hoạch Xi nghiệp xây lắp điện Hùng Vương – TP Huế*
- *Từ 1997 – 2004* : *Bí thư Đoàn thanh niên; chuyên viên Tổng Công ty VLXD số 1 – Bộ Xây dựng*
- *Từ 2004 – 2007* : *Thư ký Hội Đồng Quản Trị Tổng công ty VLXD số 1 - BXD*
- *Từ 2008 – 03/2009* : *Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đào tạo và Tư Vấn Tri Thức Việt*
- *Từ 03/2009 – 07/2009* : *Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành*
- *Từ 08/2009 đến nay* : *Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành*
- *Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết* : *Phó Tổng Giám Đốc Công ty.*
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
  - *Thành viên Ban Kiểm soát công ty Cổ phần Hóa An – Biên hoà, Đồng Nai*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là: 0 cổ phần*  
*Trong đó:*
  - *Cá nhân* : *0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
  - *Đại diện* : *0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Số cổ phần của những người có liên quan* : *Không*
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : *Không*
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : *Không*
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : *Không*
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : *Không*

### 3.3 Thành viên Ban Kiểm soát

#### ❖ Bà: LÊ THỊ YẾN TUYẾT – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 13/07/1961 ▪ Nơi sinh : Mỹ Tho
- Số CMND : 020799294 cấp ngày 08/12/2004 tại CA TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam ▪ Dân tộc : Kinh ▪ Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 8A8 Định Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 3823 7449
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính; hiện đang học văn bằng hai Trường ĐH Luật
- Quá trình công tác

Thời gian

Chức danh

- Từ 04/1985 - 10/1997 : Kế toán tổng hợp, Phó phòng kế toán – tài vụ Công ty TNTH Chợ Bến Thành, Công ty TM-TH Bến Thành
- Từ 11/1997 - 04/2004 : Kế toán trưởng Công ty TM-TH Bến Thành
- Từ 05/2004 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP TM-DV Bến Thành
- Từ 03/2009 đến nay : Chủ tịch Công đoàn Công ty CP TM-DV Bến Thành
- Chức vụ công tác hiện : Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty nay tại Tổ chức niêm yết
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là: 366.825 cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : 29.598 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ
- Đại diện : 337.227 cổ phần, chiếm 3,83% vốn điều lệ  
(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành)
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không



❖ **Ông: VŨ HOÀNG TUẤN – Thành viên Ban Kiểm soát**

- *Giới tính* : *Nam*
- *Ngày sinh* : *21/03/1960* ▪ *Nơi sinh* : *Sài Gòn*
- *Số CMND* : *020976036 cấp ngày 04/10/2003 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam* ▪ *Dân tộc* : *Kinh* ▪ *Quê quán* : *Kim Sơn, Ninh Bình*
- *Địa chỉ thường trú* : *190/29 Xóm đất, Phường 10, Quận 11, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *38 242053*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Đại học thương mại ngành kế toán*
- *Quá trình công tác*
  - Thời gian* : *Chức danh* :
  - *Từ 04/1982 - 04/1984* : *Kế toán Công ty ăn uống Trị an – Sở AU&KS TP.HCM*
  - *Từ 05/1984 - 10/1988* : *Kế toán Công ty DV Thủy điện Trị an – Sở AU&KS TP.HCM*
  - *Từ 11/1988 - 06/1989* : *Phó phòng kế toán KS.Hải Sơn – Sở AU&KS TP.HCM*
  - *Từ 07/1989 - 03/1991* : *Kế toán trưởng CN.DVDL - LHSXKDXNK Quận 1*
  - *Từ 04/1991 - 11/1992* : *Kế toán phòng KTTV – Liên hiệp SXKDXNK Quận 1*
  - *Từ 12/1992 - 03/1994* : *Kế toán phòng KTTV – Công ty SXKDXNK Quận 1*
  - *Từ 04/1994 - 12/2002* : *Kế toán phó Công ty Liên doanh căn hộ & VP Sài Gòn*
  - *Từ 01/2003 - 05/2009* : *Kế toán – Phòng TCKT – Tổng Công ty Bến Thành*
  - *Từ 06/2009 đến nay* : *Trưởng phòng kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Bến Thành*
  - *Từ 05/2004 đến nay* : *Thành viên Ban kiểm soát Cty Cổ phần TM-DV Bến Thành*
- *Chức vụ công tác hiện* : *Thành viên Ban kiểm soát Công ty.*  
*nay tại Tổ chức niêm yết*
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
  - *Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Bến Thành.*
  - *Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Xuất nhập khẩu giày dép Nam Á.*
  - *Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Bến Thành - Long Hải.*
  - *Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Du Lịch Bến Thành – Non Nước.*
  - *Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Du Lịch Huế.*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là: 343.585 cổ phần; Trong đó:*
  - *Cá nhân* : *6.358 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ*
  - *Đại diện* : *337.227 cổ phần, chiếm 3,83% vốn điều lệ*  
*(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành)*

▪ *Số cổ phần của những người có liên quan:*

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
- <i>Tổng Công ty Bến Thành</i>	<i>Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ</i>	<i>3.372.273</i>

- *Hành vi vi phạm pháp luật : Không*
- *Những khoản nợ đối với Công ty : Không*
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không*
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không*

❖ **Ông: TẠ PHƯỚC ĐẠT – Thành viên Ban Kiểm soát**

- *Giới tính : Nam*
- *Ngày sinh : 15/06/1969*    ▪ *Nơi sinh : TP.HCM*
- *Số CMND : 022044724 cấp ngày 16/01/2007 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch : Việt Nam*    ▪ *Dân tộc : Kinh*    ▪ *Quê quán : Kiến Xương, Thái Bình*
- *Địa chỉ thường trú : 115/110A Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận Phú Nhuận, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc : 3821 3913*
- *Trình độ văn hóa : 12/12*
- *Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành kế toán*
- *Quá trình công tác*

Thời gian :	Chức danh :
- <i>Từ 02/1993 - 08/1997</i>	: <i>Nhân viên kế toán tại Công ty DVTH Sài Gòn</i>
- <i>Từ 09/1997 - 07/2003</i>	: <i>Phó phòng kế toán tài vụ Công ty DVTH Sài Gòn</i>
- <i>Từ 08/2003 – 12/2004</i>	: <i>Quyền Kế toán trưởng Công ty DVTH Sài Gòn</i>
- <i>Từ 01/2005 đến nay</i>	: <i>Phó Tổng Giám đốc Công ty DVTH Sài Gòn</i>
- <i>Từ 04/2009 đến nay</i>	: <i>Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành</i>
- *Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết : Thành viên Ban kiểm soát Công ty.*

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Việt Thái
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Bến Thành - Long Hải
  - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Tổng hợp Bến Thành Savico.
  - Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là: 151.202 cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện : 151.202 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ

- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1. CTCP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	Phó Tổng Giám đốc	151.202

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

### 3.4 Kế toán trưởng

#### ❖ Ông : PHẠM HOÀNG NAM – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/02/1966 ▪ Nơi sinh : Sài Gòn
- Số CMND : 021583288 cấp ngày 20/06/2008 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam ▪ Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 212/170/110 Nguyễn Văn Nguyễn, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 3822 3390
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành kế toán
- Quá trình công tác

Thời gian :

Chức danh :

- Từ 02/1989 - 06/1992 : Kế toán Công ty TNHH Chợ Dân Sinh
- Từ 07/1992 - 03/2004 : Chuyên viên kế toán Công ty TMTH Bến Thành

- Từ 04/2004 - 06/2007 : Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành
  - Từ 07/2007 – 07/2009 : Kế toán trưởng Công ty CP Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành
  - Từ 08/2009 đến nay : Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành
- Chức vụ công tác hiện : Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty. nay tại Tổ chức niêm yết
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
    - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải.
  - Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009 là: 3.625 cổ phần  
Trong đó:
    - Cá nhân : 3.625 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ
    - Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
  - Những khoản nợ đối với Công ty : Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

#### 4. Thay đổi Ban Tổng Giám đốc điều hành trong năm:

4.1 **Bổ nhiệm:** 1 Tổng giám đốc và 2 Phó Tổng giám đốc

4.2 **Miễn nhiệm:** 1 Tổng giám đốc và 1 Phó Tổng giám đốc do đến tuổi nghỉ hưu.

#### 5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.1 **Số lượng lao động tại 31/12/2009** : 343 lao động.

Lao động	Số lượng	Tỷ lệ
<b>1. Phân theo giới tính</b>		
- Nam	104	30,3%
- Nữ	239	69,7%
<b>2. Phân theo trình độ</b>		
- Đại học	47	13,7%
- Dưới đại học	296	86,3%

## **5.2 Các chính sách đối với người lao động :**

### ***5.2.1 Chính sách phát triển nguồn nhân lực***

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp trong dài hạn, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo & bồi dưỡng ngắn hạn phù hợp với vị trí công tác và năng lực của nhân viên cho toàn thể người lao động trong Công ty, bao gồm đa dạng các ngành nghề đào tạo : Giám đốc điều hành (CEO), Giám đốc tài chính (CFO), Giám đốc phát triển nguồn nhân lực, Quản trị nguồn nhân lực, Nghề nhân sự nâng cao, Quản lý dự án đầu tư xây dựng, Thanh toán quốc tế, Luật thương mại, Quan hệ công chúng (PR – Public Relation), Đánh giá nội bộ, Quản lý hợp đồng kinh tế, Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh, Chiến lược kinh doanh, Kế toán trưởng, Kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, Nghiệp vụ bảo vệ, Lái xe, ngoại ngữ : Anh văn, Hoa văn ...

Về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đến năm 2015, Công ty sẽ đào tạo dài hạn trình độ trên đại học, đại học, trung cấp về quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, ngân hàng cho 50 cán bộ và tiếp tục đào tạo các lớp nghiệp vụ ngắn hạn cho toàn thể cán bộ, nhân viên.

Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng việc thu hút nhân tài nhằm bổ sung thêm người giỏi, trẻ, phát triển năng lực – kiến thức – kỹ năng của đội ngũ sẵn có theo hướng chuyên nghiệp hoá, đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ mới trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hiện nay.

### ***5.2.2 Chính sách tiền lương, tiền thưởng***

Định hướng tiền lương, tiền thưởng phân phối cho người lao động luôn tương xứng với chức danh và kết quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận công tác. Tiền lương, tiền thưởng thực sự là đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động và có trách nhiệm với công việc. Đồng thời tạo môi trường làm việc thuận lợi và có cơ hội thăng tiến để họ thực sự cống hiến hết mình cho sự phát triển của Công ty.

### ***5.2.3 Các chính sách khác đối với người lao động***

Doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động :

- Đảm bảo việc làm, ổn định được đời sống và thu nhập cho trên 300 cán bộ công nhân viên Công ty.
- Nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.
- Ký hết 100% hợp đồng lao động so với tổng số lao động.
- Tổ chức khám sức khoẻ hàng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động khi nghỉ việc, nghỉ hưu, nghỉ ốm đau, thai sản.
- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm 2009:**

**6.1 Hội đồng quản trị:** Kết quả trúng cử thành viên HĐQT Công Ty CP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành nhiệm kỳ (2009-2014) tại ĐHĐCĐ năm 2009 gồm các ông bà sau:

1. Ông Vương Công Minh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
3. Ông Đỗ Hùng Kiệt
4. Ông Đào Văn Hùng
5. Ông Cung Trần Việt

**6.2 Ban kiểm soát:** Kết quả trúng cử thành viên BKS Công Ty CP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành nhiệm kỳ (2009-2014) tại ĐHĐCĐ năm 2009 gồm các ông bà sau:

1. Bà Lê Thị Yên Tuyết
2. Ông Vũ Hoàng Tuấn
3. Ông Tạ Phước Đạt

**6.3 Kế toán trưởng:** không có thay đổi

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### A. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

#### 1. Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Chức vụ trong Ban điều hành
1. Ông Vương Công Minh	Chủ tịch	09/4/2009	
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	P. Chủ tịch	09/4/2009	
3. Ông Đỗ Hùng Kiệt	Thành viên	09/4/2009	Tổng Giám đốc
4. Ông Đào Văn Hùng	Thành viên	09/4/2009	P. Tổng GD
5. Ông Cung Trần Việt	Thành viên	09/4/2009	

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2009:**

- **Công tác quản lý điều hành:**

- Trong năm đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ và 14 phiên họp bất thường để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham gia dự họp của Trưởng Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra còn thực hiện 19 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa 02 phiên họp.
- Ban hành các quy chế nội bộ Công ty: Quy chế quản lý phân vốn và người đại diện vốn của Công ty; Quy chế quản lý công nợ.
- Ban hành các quyết định về đầu tư: Trong năm 2009, HĐQT đã ban hành 08 quyết định về đầu tư xây dựng cơ bản và 07 quyết định về đầu tư ra ngoài.
- Thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty; Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác để đảm bảo thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT.

- **Công tác quản trị tài chính :**

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh, HĐQT đã thực hiện việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2009 cho cổ đông với mức chi trả đợt 1 là 8% và đợt 2 là 7%.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc tăng cường công tác thu thập thông tin và dự báo, đồng thời nâng cao vai trò công tác quản trị tài chính và kiểm soát các rủi ro trong mọi lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh đều được kiểm soát các rủi ro thông qua việc trích lập các quỹ dự phòng nhằm bảo toàn vốn như: trích lập quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán, quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, quỹ dự phòng nợ khó đòi, trợ cấp mất việc, mua bảo hiểm tài sản . . .

- **Công tác tổ chức:**

- Bổ nhiệm mới Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.
- Thay đổi đại diện quản lý phân vốn của Công ty tại các doanh nghiệp: Công ty CP Bến Thành-Long Hải, Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Xây dựng Bến Thành, Công ty TNHH Chợ Cửa khẩu Mộc Bài, Công ty TNHH Bến Thành-Sun Ny, Công ty TNHH Thanh Thế.
- Thay đổi người công bố thông tin của doanh nghiệp.

**- Công tác khác:**

- Hoàn tất Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoàn chỉnh bản dự thảo sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo Điều lệ Mẫu do Bộ Tài chính ban hành. Ngoài ra, HĐQT cũng đã sửa đổi hoàn chỉnh bản dự thảo Quy chế quản trị theo mẫu áp dụng đối với công ty niêm yết để bổ sung vào hồ sơ đăng ký niêm yết.
- Xác nhận 125 lượt chuyển nhượng cổ phần theo Giấy đề nghị đăng ký quyền sở hữu cổ phần của cổ đông trong năm 2009.

**2. Ban Kiểm Soát:**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Chức vụ trong Ban điều hành
1. Bà Lê Thị Yến Tuyết	Trưởng ban	09/4/2009	
2. Ông Vũ Hoàng Tuấn	Thành viên	09/4/2009	
3. Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên	09/4/2009	

**❖ Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2009:**

- Giám sát hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2009 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như: giám sát thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2008; giám sát việc triển khai phương hướng hoạt động trong năm 2009; giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật ( bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm và các nghĩa vụ tài chính khác)
- Kiểm soát hoạt động: xem xét đánh giá các hoạt động trọng yếu của công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó góp ý trong công tác quản trị, biện pháp hạn chế rủi ro trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, đầu tư của Doanh nghiệp.
- Kiểm soát báo cáo tài chính: luân phiên kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, quyết toán vốn đầu tư các dự án. Định kỳ kiểm tra và phân tích Báo cáo tài chính hàng quý. Đồng thời, phối hợp kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của báo cáo tài chính; giám sát Ban điều hành trong việc thực thi công tác tài chính.
- Tham gia cùng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và đơn vị tư vấn trong việc lập bản cáo bạch và tiến hành niêm yết cổ phiếu của công ty tại sở giao dịch chứng khoán thành phố HCM (HOSE)



- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Ban kiểm soát dự thảo quy chế hoạt động của Ban cho phù hợp với loại hình công ty niêm yết.

### **3. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:**

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của doanh nghiệp theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và các quy chế khác.
- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện chiến lược hoạt động kinh doanh giai đoạn 2010-2015 của doanh nghiệp phù hợp tình hình mới.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro để hoạt động doanh nghiệp an toàn và hiệu quả.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện tái cấu trúc bộ máy, tái cấu trúc vốn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Chỉ đạo đẩy nhanh việc thực hiện dự án.
- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các công cụ quản lý như: hệ thống các quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị, v.v...
- Chỉ đạo việc công bố thông tin của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

### **4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, BKS:**

- Quyền lợi của thành viên HĐQT: Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao theo công việc phục vụ cho công ty. Không có thành viên HĐQT nào có những quyền lợi riêng về giao dịch kinh doanh của họ với công ty.
- Thù lao của thành viên HĐQT, BKS và những người điều hành chủ chốt khác của công ty: Theo quy chế lương, thưởng của Công Ty, qui định của nhà nước và Đại hội đồng cổ đông, cụ thể: mức thù lao của Chủ tịch HĐQT là 6.000.000 đồng/tháng, Phó Chủ tịch là 5.000.000 đồng/tháng, các thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát là 3.000.000 đồng/tháng/thành viên. Riêng Trưởng ban kiểm soát làm việc trực tiếp tại công ty được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm là 4.500.000 đồng/quý.

**4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành trong năm 2009:**

Họ và tên	Chức vụ	31/12/2008			31/12/2009			Thay đổi tỷ lệ (%) sở hữu
		Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%) sở hữu CP	Trong đó CP đại diện vốn nhà nước(*)	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%) sở hữu CP	Trong đó CP đại diện vốn nhà nước	
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>								
1. Ông Vương Công Minh	CT	1.713.228	19,47	1.686.137	2.050.456	23,30	2.023.365	3,83
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	P.CT	869.995	9,89	674.455	50.000	0,57		-9,32
3. Ông Đỗ Hùng Kiệt	TV	18.000	0,20		694.454	7,89	674.454	7,69
4. Ông Đào Văn Hùng	TV	41.154	0,47		41.154	0,47		-
5. Ông Cung Trần Việt	TV	##			-	-		
6. Bà Lương Anh Đào (*)		377.227	4,29	337.227	##			-4,29
7. Ông Trần Minh Trí (*)		25.537	0,29		##			-0,29
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>								
1. Bà Lê Thị Yến Tuyết	T.ban	366.825	4,17	337.227	366.825	4,17	337.227	-
2. Ông Vũ Hoàng Tuấn	TV	343.585	3,90	337.227	343.585	3,90	337.227	-
3. Ông Tạ Phước Đạt (**)	TV	##			151.202	1,72		1,72
4. Ô. Nguyễn Khắc Cường (*)		7.597	0,09		##			-0,09
<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>								
1. Ông Phan Văn Quang	PTGD	##			-	-		-
2. Ông Phạm Hoàng Nam	KTT	2.625	0,03		3.625	0,04		0,01
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.765.773</b>	<b>42,79</b>	<b>3.372.273</b>	<b>3.701.301</b>	<b>42,06</b>	<b>3.372.273</b>	<b>-0,73</b>

(\*) Nguyên Thành viên HĐQT hoặc Thành viên BKS nhiệm kỳ trước.

(\*\*) Nắm giữ cổ phần đại diện cho Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

**B. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 31/12/2009.**

**1. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông:**

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I.</b>	<b>Trong nước</b>	<b>460</b>	<b>8.797.500</b>	<b>99,97%</b>
1	Nhà nước	1	3.372.273	38,32%
2	HDQT, BTGD, BKS, KTT	7	177.826	2,02%
3	Cá nhân trong công ty	251	1.759.376	19,99%
4	Cá nhân ngoài công ty	192	1.329.074	15,11%
5	Tổ chức trong nước	11	2.158.951	24,53%
<b>II.</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>1</b>	<b>2.500</b>	<b>0,03%</b>
	<b><u>Tổng cộng</u></b>	<b>463</b>	<b>8.800.000</b>	<b>100,00%</b>

## 2. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2009	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công Ty Bến Thành	27 Nguyễn Trung Trực, Q1, TP.HCM	3.372.273	38,32
2	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Phòng 1902, Tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM	650.000	7,39
	<b><u>Tổng cộng</u></b>		<b><u>4.022.273</u></b>	<b><u>45,71</u></b>

## 3. Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn:

Trong năm 2009 Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt đã thực hiện việc chuyển nhượng 50.000 cổ phiếu cho cổ đông khác giảm tỷ lệ sở hữu từ 7,95% xuống còn 7,39%.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2010

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT

Vương Công Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**MỤC LỤC**

	Trang
Báo cáo kiểm toán	04
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 29



Số: 0609279-HN/AISC-DN2

## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi – Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2010 của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

#### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

**Kiểm toán viên**

**Phạm Thị Thanh Mai**

Chứng chỉ KTV số: 1044/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2010

**Tổng Giám đốc**

**Phạm Văn Vinh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St., Cầu Giấy Dist., Hà Nội

Tel: (04) 3762 0045 /46 /47 Fax: (04) 3762 0048

Email: aisc@hn.vpp.vn

Branch in Đà Nẵng: 92 A Quang Trung St., Hải Châu Dist., Đà Nẵng

Tel: (0511) 369 5619

Fax: (0511) 369 5620

Email: aisc@dong.vpp.vn

Representative in Cần Thơ: 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ

Tel: (0710) 3813 004

Fax: (0710) 3826 765

Representative in Hải Phòng: 21 Lương Khánh Thiện St., Ngô Quyền Dist., Hải Phòng

Tel: (031) 3920 797

Fax: (031) 3920 973

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính : Đồng Việt Nam*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>136.412.146.673</b>	<b>148.164.785.545</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>45.587.874.528</b>	<b>53.818.501.217</b>
1. Tiền	111		5.591.687.043	8.257.103.607
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.996.187.485	45.561.397.610
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>387.207.000</b>	<b>1.085.513.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		838.570.000	2.683.359.783
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(451.363.000)	(1.597.846.783)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.895.802.927</b>	<b>66.712.154.316</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.320.404.091	2.044.133.676
2. Trả trước cho người bán	132		7.298.133.870	18.982.745.072
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.3</b>	38.046.849.058	46.210.578.491
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(769.584.092)	(525.302.923)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>44.155.724.754</b>	<b>26.193.873.927</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.4</b>	44.155.724.754	28.080.040.372
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.886.166.445)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>385.537.464</b>	<b>354.743.085</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		104.643.761	102.894.397
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		89.329.008	224.954.593
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.564.695	394.095
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		190.000.000	26.500.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>201.578.922.602</b>	<b>184.871.244.653</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>146.863.957.620</b>	<b>124.029.016.669</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	59.747.609.585	47.263.446.472
- Nguyên giá	222		74.708.105.172	58.125.692.254
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.960.495.587)	(10.862.245.782)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	87.116.348.035	76.765.570.197
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>48.844.347.136</b>	<b>55.196.533.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.839.998.683	2.400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	53.746.558.390	65.798.878.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.742.209.937)	(13.002.345.800)
<b>V Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		<b>2.246.218.902</b>	<b>2.470.055.974</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>3.624.398.944</b>	<b>3.175.639.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	3.299.898.944	2.851.139.010
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		324.500.000	324.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>337.991.069.275</b>	<b>333.036.030.198</b>

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>84.241.187.925</b>	<b>97.394.916.936</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.217.998.157</b>	<b>52.954.590.801</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	8.249.036.423	32.810.133.705
2. Phải trả cho người bán	312		18.905.551.121	13.299.531.533
3. Người mua trả tiền trước	313		2.714.940.759	2.520.267.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.504.158.341	1.874.832.635
5. Phải trả người lao động	315		2.745.698.933	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	100.000.000	310.363.636
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	998.612.580	2.139.461.792
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>46.023.189.768</b>	<b>44.440.326.135</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		29.169.472.706	24.971.348.685
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	15.945.808.406	18.432.549.096
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		907.908.656	1.036.428.354
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>252.502.747.736</b>	<b>234.095.336.208</b>
<b>I. Vốn Chủ Sở Hữu</b>	<b>410</b>		<b>251.709.997.317</b>	<b>231.501.028.918</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	88.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.419.120.000	127.419.120.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.453.607	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	9.156.926.111	7.107.911.458
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	3.168.247.165	2.436.106.423
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.22	23.964.250.434	6.537.891.037
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-



**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam	
			31/12/2009	01/01/2009
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		792.750.419	2.594.307.290
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		792.750.419	2.594.307.290
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>1.247.133.614</b>	<b>1.545.777.054</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>540</b>		<b>337.991.069.275</b>	<b>333.036.030.198</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		76.045.000	33.094.576
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		1.530,13	6.459,56
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

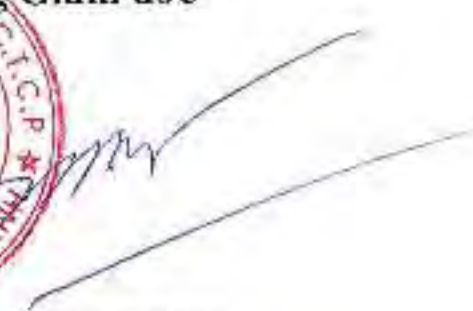


**PHẠM HOÀNG NAM**

TP HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2010



Tổng Giám đốc



**ĐỖ HÙNG KIẾT**

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	208.304.949.563	310.974.377.077
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.26	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	VI.27	208.304.949.563	310.974.377.077
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.28	143.224.159.590	255.680.053.095
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		65.080.789.973	55.294.323.982
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	18.209.059.981	17.024.197.150
7 Chi phí tài chính	22	VI.30	7.604.578.278	20.212.463.461
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.490.203.896	2.931.906.937
8 Chi phí bán hàng	24		26.056.723.783	23.872.967.978
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.941.353.247	13.037.935.000
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.687.194.646	15.195.154.693
11 Thu nhập khác	31		135.571.153	6.360.650.984
12 Chi phí khác	32		131.688.437	241.739.685
13 Lợi nhuận khác	40		3.882.716	6.118.911.299
14 Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		462.160.082	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.153.237.444	21.314.065.992
16a Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	7.889.479.585	2.782.315.562
16b Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.263.757.859	18.531.750.430
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		443.173.302	319.991.024
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty	62		27.820.584.557	18.211.759.406
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.161	2.029

TP HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng



PHẠM HOÀNG NAM



Tổng Giám đốc

ĐỖ HÙNG KIỆT

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		36.153.237.444	21.314.065.992
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	2		4.558.364.453	2.890.490.142
Các khoản dự phòng	3		(8.048.504.922)	16.457.667.631
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		117.549.000	(5.574.657)
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(15.972.451.791)	(16.100.536.070)
Chi phí lãi vay	6		2.490.203.896	2.931.906.937
<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>				
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		20.278.297.532	54.964.150.408
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(16.557.886.255)	14.544.421.456
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		7.242.906.677	(8.230.388.226)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(513.228.874)	303.201.878
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.490.203.896)	(2.931.906.937)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.222.634.865)	(2.969.560.082)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		38.971.701.544	25.968.372.756
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(24.076.879.301)	(14.055.649.214)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.930.470.642</b>	<b>95.080.662.014</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(40.580.408.443)	(87.513.776.496)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		16.838.182	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.568.926.370)	(66.832.427.832)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.874.036.563	29.520.456.703
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.553.358.148	12.115.375.628
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.705.101.920)</b>	<b>(112.710.371.997)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	2.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		29.321.366.075	100.011.851.773
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(56.369.204.047)	(81.326.129.867)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(7.292.062.046)	(21.984.333.677)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(34.339.900.018)</b>	<b>(1.298.611.771)</b>

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.114.531.296)	(18.928.321.754)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		53.818.501.217	72.741.248.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(116.095.393)	5.574.657
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		<u>45.587.874.528</u>	<u>53.818.501.217</u>

Kế toán trưởng *hanh*



PHẠM HOÀNG NAM

TP HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



*Đỗ Hùng Kiệt*  
ĐỖ HÙNG KIẾT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

**01. Hình thức sở hữu vốn : vốn cổ phần.**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002274 thay đổi lần thứ 9 ngày 11/02/2009, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Bến Thành là : 88.000.000.000 đồng.

**02. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Dịch vụ**

**03. Ngành nghề kinh doanh Công ty CP TMDV Bến Thành và công ty con:**

**Công ty CP TMDV Bến Thành:**

Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, hàng điện lạnh- điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu ngũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công nông ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng, hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ mắt kính, vàng bạc đá quý, thiết bị sản xuất vàng, băng đĩa từ, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế.

Mua bán, chế biến nông lâm thủy hải sản; sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ, quần áo, sản phẩm kim loại. Mua bán dầu nhớt, thiết bị phòng cháy chữa cháy, viễn thông, cơ khí, mỡ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, chế phẩm từ sữa các loại. Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, căn hộ, văn phòng; sửa chữa nhà, trang trí nội thất, cho thuê kho bãi, Dịch vụ nhà đất, môi giới thương mại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông, đo đạc, cảnh báo các loại. Dịch vụ khai thuế hải quan.

Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, cho thuê xe, dịch vụ lao động. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án , dự toán công trình xây dựng; Tư vấn du học, đào tạo ngoại ngữ; Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay.

Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Kinh doanh lưu trú du lịch: nhà hàng khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí.

**Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny (công ty con)**

Mua bán: Hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khác; rượu (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống), thực phẩm tươi sống, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả gia, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, phương tiện đi lại và phụ tùng, hàng điện lạnh - điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu ngũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công-nông-ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng hàng gia dụng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

Hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao (trừ kinh doanh súng, đạn thể thao, vũ khí thô sơ), đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự xã hội), tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ, mắt kính, vàng bạc, nữ trang, đá quý, thiết bị sản xuất vàng, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế.

Kinh doanh nhà. Mua bán vật tư phục vụ sản xuất. Mua bán, chế biến nông-lâm-thủy hải sản (trừ chế biến tại trụ sở). Cho thuê xe. Cho thuê nhà, văn phòng, căn hộ. Kinh doanh lưu trú du lịch, khách sạn; kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế. Dịch vụ viễn thông. Dịch vụ nhà đất.

#### **04. Công ty con**

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ “Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Bến Thành “ trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con : một (01)

Số lượng các công ty con được hợp nhất : một (01)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : không (0)

**Danh sách công ty con được hợp nhất :**

##### **1. Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny**

- Trụ sở : 208-210 Lê Thánh Tôn, Q1, Tp HCM.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 90%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 90%

#### **05. Công ty liên kết**

**Danh sách công ty liên kết**

##### **1. Công ty CP đầu tư & kỹ thuật XD Bến Thành**

- Trụ sở : 25 Trương Định, Q1, Tp HCM.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 30%

*Tính đến thời điểm 31/12/2009, Công ty CPĐT & KT XD Bến Thành chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.*

##### **2. Công ty TNHH TM DV tổng hợp Bến Thành Savico**

- Trụ sở: 17 -19 Trần Hưng Đạo, Q1, Tp.HCM.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 23,33%

### 3. Công ty CP đầu tư & dịch vụ Dân Sinh

- Trụ sở: 104 Yersin, Q1, Tp.HCM

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 25%

*Tính đến thời điểm 31/12/2009, Công ty CP đầu tư & dịch vụ Dân Sinh chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.*

*06. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có*

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 01. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006.

### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

### 03. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của công ty mẹ và công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần TM DV Bến Thành và Báo cáo tài chính của một (01) công ty con nêu trên.

### **02. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước - xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

#### **4.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25-30 năm
Máy móc, thiết bị	6-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6 năm

#### 4.2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao xong.

### 05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

#### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

#### 5.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác sẽ được trích lập khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch.

### 06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:**

Chi phí trả trước ngắn hạn:

Chi phí trả trước ngắn hạn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng.

**08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**09 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả : Không phát sinh.**

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

**Doanh thu bán hàng**

Khi bán hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh bao gồm các khoản trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: Là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

**14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:**

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009: 17.941 VND/USD

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

<b>01. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Tiền mặt	1.716.492.618	1.873.154.166
- Tiền gửi ngân hàng	3.875.194.425	6.383.949.441
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	39.996.187.485	45.561.397.610
<b>Cộng</b>	<b>45.587.874.528</b>	<b>53.818.501.217</b>
<b>02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	838.570.000	2.683.359.783
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(451.363.000)	(1.597.846.783)
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>387.207.000</b>	<b>1.085.513.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
<b>03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:</b>		
- Phải thu Ngân Hàng Phương Đông	-	27.385.080.000
- Phải thu Tổng công ty Bến Thành	35.300.000.000	13.300.000.000
- Phải thu Công ty Văn Hóa Tổng Hợp Bến Thành	2.000.000.000	4.000.000.000
- Phải thu Công ty TNHH TM DV Tổng hợp Bến Thành Savico	280.000.000	280.000.000
- Phải thu khác	466.849.058	1.245.498.491
<b>Cộng</b>	<b>38.046.849.058</b>	<b>46.210.578.491</b>
<b>04. Hàng tồn kho</b>	<b><i>31/12/2009</i></b>	<b><i>01/01/2009</i></b>
- Nguyên liệu, vật liệu	10.945.186	9.809.638
- Hàng hóa	30.828.981.135	28.070.230.734
- Hàng hóa bất động sản	13.315.798.433	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.886.166.445)
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>44.155.724.754</b>	<b>26.193.873.927</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>46.692.456.936</b>	<b>7.512.349.605</b>	<b>2.975.151.448</b>	<b>945.734.265</b>	<b>58.125.692.254</b>
- Mua trong kỳ	20.396.372.648	9.755.196.053		78.061.904	30.229.630.605
- Thanh lý, nhượng bán	(325.623.000)	(143.848.887)		(33.043.000)	(502.514.887)
- Chuyển sang hàng hoá bất động sản	(13.104.692.800)				(13.104.692.800)
- Giảm khác				(40.010.000)	(40.010.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>53.658.513.784</b>	<b>17.123.696.771</b>	<b>2.975.151.448</b>	<b>950.743.169</b>	<b>74.708.105.172</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>5.615.910.647</b>	<b>3.165.503.093</b>	<b>1.320.863.094</b>	<b>759.968.948</b>	<b>10.862.245.782</b>
- Khấu hao trong kỳ	2.109.837.652	2.039.427.192	319.341.168	89.758.441	4.558.364.453
- Thanh lý, nhượng bán	(270.210.049)	(139.357.217)		(33.043.000)	(442.610.266)
- Giảm khác				(17.504.382)	(17.504.382)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.455.538.250</b>	<b>5.065.573.068</b>	<b>1.640.204.262</b>	<b>799.180.007</b>	<b>14.960.495.587</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>					
- Tại ngày đầu kỳ	41.076.546.289	4.346.846.512	1.654.288.354	185.765.317	47.263.446.472
- Tại ngày cuối kỳ	46.202.975.534	12.058.123.703	1.334.947.186	151.563.162	59.747.609.585

- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 32.414.029.698 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.798.235.558 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: không có.

- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

- Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị còn lại của TSCĐ VH					-
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</b>		
- Tổng số chi phí XDCB dở dang	<b>87.116.348.035</b>	<b>76.765.570.197</b>
- CT cao ốc văn phòng 186-188 Lê Thánh Tôn	-	10.990.732.896
- CT cao ốc văn phòng 2-4 Lưu Văn Lang	1.445.316.648	110.966.364
- CT cao ốc văn phòng 90-92 Đinh Tiên Hoàng	6.615.856.714	325.619.628
- CT cao ốc văn phòng 289 Đinh Bộ Lĩnh	33.752.288.091	33.640.500.000
- CT cao ốc văn phòng 120 Bến Chương Dương	32.312.306.500	22.633.026.500
- CT cao ốc văn phòng 129-131 Tôn Thất Đạm	9.045.633.900	9.022.133.900
- CT căn hộ Splendor	3.859.128.000	-
- CT Khác	85.818.182	42.590.909
<b>13. Đầu tư tài chính dài hạn khác:</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Đầu tư cổ phiếu	20.168.585.937	26.765.000.000
Trong đó:		
+ Cổ phiếu niêm yết	8.368.585.937	11.560.000.000
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	11.800.000.000	15.205.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	33.577.972.453	39.033.878.800
Trong đó:		
+ Đầu tư vào công ty Bến Thành Long Hải	3.440.000.000	3.440.000.000
+ Đầu tư vào Công ty TNHH Chợ Cửa khẩu Mộc Bài	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Đầu tư vào Cty TNHH Phở 2000	100.000.000	100.000.000
+ Đầu tư mua cổ phiếu NH TMCP Phương Đông	29.037.972.453	34.493.878.800
<b>Cộng</b>	<b>53.746.558.390</b>	<b>65.798.878.800</b>
<b>14. Chi phí trả trước dài hạn:</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	402.599.852	773.054.983
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.897.299.092	2.078.084.027
<b>Cộng</b>	<b>3.299.898.944</b>	<b>2.851.139.010</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
<b>15. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
- Vay ngắn hạn ngân hàng Phương Đông	-	28.000.000.000
- Vay ngắn hạn ngân hàng Xuất Nhập Khẩu	2.028.298.841	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	374.319.078	4.240.133.705
- Nợ dài hạn đến hạn trả	5.846.418.504	570.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.249.036.423</b>	<b>32.810.133.705</b>
<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
- Thuế GTGT đầu ra	135.743.242	21.664.277
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.439.149.629	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.912.234.951	259.452.103
- Thuế Thu nhập cá nhân	17.030.519	532.203.136
- Các loại thuế khác	-	1.061.513.119
<b>Cộng</b>	<b>4.504.158.341</b>	<b>1.874.832.635</b>
<b>17. Chi phí phải trả</b>		
- Phí kiểm toán	100.000.000	86.363.636
- Chi phí trích trước tiền thuê nhà	-	224.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>310.363.636</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	111.890.051	48.580.299
- Bảo hiểm y tế	21.706.771	-
- Cổ tức chưa trả	236.452.664	460.414.464
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	628.563.094	1.630.467.029
<b>Cộng</b>	<b>998.612.580</b>	<b>2.139.461.792</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>		
Vay ngân hàng Vietcombank	4.271.464.758	589.882.000
Vay ngân hàng Liên Việt	11.354.019.628	16.044.843.076
Vay ngân hàng Seabank	320.324.020	1.797.824.020
<b>Cộng</b>	<b>15.945.808.406</b>	<b>18.432.549.096</b>



**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

**22. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
<i>Số dư đầu năm trước</i>	88.000.000.000	127.419.120.000	16.812.235.588	-	4.600.309.258	1.614.012.895	238.445.677.741
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi trong năm trước			18.531.750.430				18.531.750.430
- Trích các quỹ			(5.875.182.548)		2.507.602.200	822.093.528	(2.545.486.820)
- Giảm vốn trong năm trước							-
- Lỗ trong năm trước							-
- Chia cổ tức			(21.984.333.677)				(21.984.333.677)
- Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số			(946.578.756)				(946.578.756)
<i>Số dư cuối năm trước</i>	88.000.000.000	127.419.120.000	6.537.891.037	-	7.107.911.458	2.436.106.423	231.501.028.918

**CÔNG TY CP THƯƠNG MAIDICH VU BẾN THÀNH**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm	88.000.000.000	127.419.120.000	6.537.891.037	-	7.107.911.458	2.436.106.423	231.501.028.918
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	27.820.584.557	-	-	-	27.820.584.557
- Tăng khác	-	-	313.110.699	1.453.607	-	-	314.564.306
- Trích các quỹ	-	-	(3.513.296.137)	-	2.049.014.653	732.140.742	(732.140.742)
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	(7.040.000.000)	-	-	-	(7.040.000.000)
- Giảm khác	-	-	(154.039.722)	-	-	-	(154.039.722)
Số dư cuối kỳ này	88.000.000.000	127.419.120.000	23.964.250.434	1.453.607	9.156.926.111	3.168.247.165	251.709.997.317

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Vốn góp của nhà nước
- Vốn góp của các đối tượng khác

**Cộng**

<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
33.722.730.000	33.722.730.000
54.277.270.000	54.277.270.000
<b>88.000.000.000</b>	<b>88.000.000.000</b>

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	Năm 2009	Năm 2008
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.040.000.000	21.984.333.677
<b>d. Cổ tức</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	1.500
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	1.500
<b>đ. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Đơn vị tính: VND**

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
c. Các quỹ của doanh nghiệp:	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	9.156.926.111	7.107.911.458
- Quỹ dự phòng tài chính	3.168.247.165	2.436.106.423
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: chi khen thưởng CBCNV trong Công ty và chi ủng hộ các đoàn thể ban ngành bên ngoài Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VNĐ*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)</b>	<b>208.304.949.563</b>	<b>310.974.377.077</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	169.000.204.603	282.202.182.598
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.304.744.960	28.772.194.479
<b>26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)</b>	<b>208.304.949.563</b>	<b>310.974.377.077</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	169.000.204.603	282.202.182.598
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	39.304.744.960	28.772.194.479
<b>28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	130.319.757.575	246.201.559.684
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.904.402.015	7.592.326.966
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.886.166.445
<b>Cộng</b>	<b>143.224.159.590</b>	<b>255.680.053.095</b>
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.264.126.781	7.760.117.713
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.863.983.408	4.824.517.454
- Lãi kinh doanh chứng khoán	347.929.428	4.325.304.440
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	4.190.781	108.682.886
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.574.657
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	8.728.829.583	-
<b>Cộng</b>	<b>18.209.059.981</b>	<b>17.024.197.150</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Năm 2009	Năm 2008
- Lãi tiền vay	2.490.203.896	2.931.906.937
- Lỗ do bán chứng khoán	2.651.511.052	1.688.672.539
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.322.209.937	14.299.406.977
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	23.104.393	1.292.477.008
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	117.549.000	
<b>Cộng</b>	<b>7.604.578.278</b>	<b>20.212.463.461</b>
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Năm 2009	Năm 2008
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.889.479.585	2.782.315.562
<b>Cộng</b>	<b>7.889.479.585</b>	<b>2.782.315.562</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:** Không có

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

3- Thông tin về các bên liên quan:

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Mối quan hệ - Tính chất giao dịch	Năm 2009	Năm 2008
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành - Công ty liên kết - DT cho thuê MB	851.395.500	498.553.700

b. Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan như sau :

Mối quan hệ - Tính chất giao dịch	31/12/2009	01/01/2009
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành - Công ty liên kết - DT nhận trước	92.405.000	84.925.000
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành - C.ty liên kết - nhận tiền cọc thuê MB	104.892.000	-
Tổng Công ty Bến Thành - cổ đông - khoản phải thu khác	35.300.000.000	13.300.000.000

Các khoản phát sinh trong niên độ 2009 với Tổng Công ty Bến Thành như sau :

- + Phát sinh tăng : 38 tỷ đồng.
- + Phát sinh giảm : 16 tỷ đồng.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng  
  
**PHẠM HOÀNG NAM**

Tổng Giám đốc  
  
**ĐỖ HÙNG KIẾT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**MỤC LỤC**

	Trang
Báo cáo kiểm toán	04
Bảng cân đối kế toán	05 -08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh các báo cáo tài chính	12 - 29



Số: 0609279-BT/AISC-DN2

## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



### BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CỦA CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2010 của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

**Phạm Thị Thanh Mai**

Chứng chỉ KTV số: 1044/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2010



Tổng Giám đốc

**Phạm Văn Vinh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0046

Email: aisc@hn.viet.com.vn

Branch in Đà Nẵng : 92 A Quang Trung St, Hai Châu Dist, Đà Nẵng

Tel : (0511) 389 5619

Fax : (0511) 389 5620

Email: aisc@dn.viet.com.vn

Representative in Cần Thơ : 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St, Ninh Kiều Dist, Cần Thơ

Tel : (0710) 3813 004

Fax : (0710) 3828 765

Representative in Hải Phòng : 21 Lương Khánh Thiện St, Ngô Quyền Dist, Hải Phòng

Tel : (031) 3920 797

Fax : (031) 3920 973



**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính : Đồng Việt Nam*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>130.318.806.216</b>	<b>145.456.664.163</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>39.696.098.766</b>	<b>52.228.117.808</b>
1. Tiền	111		4.781.811.521	7.666.720.198
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.914.287.245	44.561.397.610
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>387.207.000</b>	<b>1.085.513.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		838.570.000	2.683.359.783
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(451.363.000)	(1.597.846.783)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.695.802.927</b>	<b>66.171.544.389</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.120.404.091	1.583.685.545
2. Trả trước cho người bán	132		7.298.133.870	18.902.745.072
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	38.046.849.058	46.210.416.695
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(769.584.092)	(525.302.923)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>44.155.724.754</b>	<b>25.711.672.054</b>
1. Hàng tồn kho	141		44.155.724.754	27.597.838.499
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.886.166.445)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>383.972.769</b>	<b>259.816.912</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		104.643.761	8.362.319
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		89.329.008	224.954.593
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		190.000.000	26.500.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>208.583.647.857</b>	<b>191.629.199.850</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>144.790.303.494</b>	<b>121.380.964.193</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	57.673.955.459	44.615.393.996
- Nguyên giá	222		71.545.694.172	54.923.271.254
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.871.738.713)	(10.307.877.258)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	87.116.348.035	76.765.570.197
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>60.404.348.453</b>	<b>67.604.533.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.000.000.000	12.408.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.400.000.000	2.400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	53.746.558.390	65.798.878.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.742.209.937)	(13.002.345.800)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.388.995.910</b>	<b>2.643.702.657</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.064.495.910	2.319.202.657
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		324.500.000	324.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>338.902.454.073</b>	<b>337.085.864.013</b>

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>88.310.729.562</b>	<b>103.089.295.429</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.134.680.034</b>	<b>52.496.109.534</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	8.249.036.423	32.810.133.705
2. Phải trả cho người bán	312		18.905.551.121	13.120.359.244
3. Người mua trả tiền trước	313		2.714.940.759	2.520.267.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.421.350.518	1.597.158.352
5. Phải trả người lao động	315		2.745.698.933	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	100.000.000	310.363.636
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	998.102.280	2.137.827.097
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.176.049.528</b>	<b>50.593.185.895</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		34.322.332.466	31.124.208.445
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	15.945.808.406	18.432.549.096
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		907.908.656	1.036.428.354
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>250.591.724.511</b>	<b>233.996.568.584</b>
<b>I. Vốn Chủ Sở Hữu</b>	<b>410</b>		<b>249.799.577.210</b>	<b>231.402.261.294</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	88.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.419.120.000	127.419.120.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.453.607	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	9.156.926.111	7.107.911.458
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	3.168.247.165	2.436.106.423
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.22	22.053.830.327	6.439.123.413
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam	
			31/12/2009	01/01/2009
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>792.147.301</b>	<b>2.594.307.290</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		792.147.301	2.594.307.290
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>338.902.454.073</b>	<b>337.085.864.013</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		76.045.000	33.094.576
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		1.530,13	6.459,56
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



**PHẠM HOÀNG NAM**

TP HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



**ĐỖ HÙNG KIẾT**

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam	
			Năm 2009	Năm 2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	201.837.737.435	302.119.766.328
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	VI.27	201.837.737.435	302.119.766.328
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.28	143.224.159.590	253.219.375.827
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		58.613.577.845	48.900.390.501
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	20.583.176.260	18.456.676.521
7 Chi phí tài chính	22	VI.30	7.604.578.278	20.015.140.550
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.490.203.896	2.734.584.026
8 Chi phí bán hàng	24		26.056.723.783	23.565.816.822
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.428.806.886	11.153.480.765
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.106.645.158	12.622.628.885
11 Thu nhập khác	31		135.461.334	6.359.954.946
12 Chi phí khác	32		131.688.437	241.739.681
13 Lợi nhuận khác	40		3.772.897	6.118.215.265
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.110.418.055	18.740.844.150
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	6.942.415.004	2.049.014.652
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.168.003.051	16.691.829.498
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

TP HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng



PHẠM HOÀNG NAM



Tổng Giám đốc



ĐỖ HÙNG KIẾT

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		33.110.418.055	18.740.844.150
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	2		4.006.471.721	2.343.623.496
Các khoản dự phòng	3		(8.048.504.922)	16.457.667.631
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		117.549.000	(5.574.657)
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(17.884.407.988)	(17.008.026.811)
Chi phí lãi vay	6		2.490.203.896	2.734.584.026
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>				
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	8		13.791.729.762	23.263.117.835
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	9		20.472.085.878	54.550.875.782
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	10		(16.557.886.255)	14.271.595.385
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	11		7.109.669.811	(7.899.783.088)
Tiền lãi vay đã trả	12		(841.574.695)	53.467.257
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13		(2.490.203.896)	(2.734.584.026)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	14		(4.980.936.731)	(2.452.515.405)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15		38.722.121.666	18.121.232.516
	16		(24.942.105.576)	(4.269.293.214)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>30.282.899.964</b>	<b>92.904.113.042</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(40.580.408.443)	(87.393.547.796)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		16.838.182	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.568.926.370)	(66.832.427.832)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.874.036.563	29.520.456.703
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.647.474.427	13.022.866.369
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.610.985.641)</b>	<b>(111.682.652.556)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		29.321.366.075	100.011.851.773
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(56.369.204.047)	(79.326.167.937)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(7.040.000.000)	(21.466.620.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(34.087.837.972)</b>	<b>(780.936.164)</b>

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.415.923.649)	(19.559.475.678)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.228.117.808	71.782.018.829
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(116.095.393)	5.574.657
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		<u>39.696.098.766</u>	<u>52.228.117.808</u>

Kế toán trưởng



PHẠM HOÀNG NAM



TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



ĐỖ HÙNG KIẾT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

**01. Hình thức sở hữu vốn : vốn cổ phần.**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002274 thay đổi lần thứ 9 ngày 11/02/2009, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Bến Thành là : 88.000.000.000 đồng.

**02. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Dịch vụ**

**03. Ngành nghề kinh doanh:**

Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, hàng điện lạnh- điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu ngũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công nông ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng, hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ mắt kính, vàng bạc đá quý, thiết bị sản xuất vàng, băng đĩa từ, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế.

Mua bán, chế biến nông lâm thủy hải sản; sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ, quần áo, sản phẩm kim loại. Mua bán dầu nhớt, thiết bị phòng cháy chữa cháy, viễn thông, cơ khí, mỡ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, chế phẩm từ sữa các loại

Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, căn hộ, văn phòng; sửa chữa nhà, trang trí nội thất, cho thuê kho bãi, Dịch vụ nhà đất, môi giới thương mại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông, đo đạc, cảnh báo các loại. Dịch vụ khai thuế hải quan.

Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, cho thuê xe, dịch vụ lao động. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án , dự toán công trình xây dựng; Tư vấn du học, đào tạo ngoại ngữ; Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay.

Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Kinh doanh lưu trú du lịch: nhà hàng- khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí.

**04. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có**

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**01. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**01. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chứng từ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**01. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước - xuất trước
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### 3.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25-30 năm
Máy móc, thiết bị	6-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6 năm

#### 3.2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao xong.

### 04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

#### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư.

### 4.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

### 4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác sẽ được trích lập khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch.

### 05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

### 06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn:

Chi phí trả trước ngắn hạn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**08 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :** Không phát sinh.

**09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.  
Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

**Doanh thu bán hàng**

Khi bán hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh bao gồm các khoản trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: Là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

**13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:**

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009: 17.941 VND/USD

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

<i>01. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
- Tiền mặt	1.704.925.200	1.697.172.600
- Tiền gửi ngân hàng	3.076.886.321	5.969.547.598
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	34.914.287.245	44.561.397.610
<b>Cộng</b>	<b>39.696.098.766</b>	<b>52.228.117.808</b>
<i>02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:</i>	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	838.570.000	2.683.359.783
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(451.363.000)	(1.597.846.783)
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>387.207.000</b>	<b>1.085.513.000</b>
<i>03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:</i>	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
- Phải thu Ngân Hàng Phương Đông	-	27.385.080.000
- Phải thu Tổng công ty Bến Thành	35.300.000.000	13.300.000.000
- Phải thu Công ty Văn Hóa Tổng Hợp Bến Thành	2.000.000.000	4.000.000.000

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VNĐ*

- Phải thu Công ty TNHH TM DV Tổng hợp Bến Thành Savico	280.000.000	280.000.000
- Phải thu khác	466.849.058	1.245.336.695
<b>Cộng</b>	<b>38.046.849.058</b>	<b>46.210.416.695</b>
<b>04. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	10.945.186	9.809.638
- Hàng hóa	30.828.981.135	27.588.028.861
- Hàng hóa bất động sản	13.315.798.433	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.886.166.445)
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>44.155.724.754</b>	<b>25.711.672.054</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>46.692.456.936</b>	<b>5.546.683.105</b>	<b>1.898.635.648</b>	<b>785.495.565</b>	<b>54.923.271.254</b>
- Mua trong kỳ	20.396.372.648	9.755.196.053		78.061.904	30.229.630.605
- Thanh lý, nhượng bán	(325.623.000)	(143.848.887)		(33.043.000)	(502.514.887)
- Chuyển sang hàng hoá bất động sản	(13.104.692.800)				(13.104.692.800)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>53.658.513.784</b>	<b>15.158.030.271</b>	<b>1.898.635.648</b>	<b>830.514.469</b>	<b>71.545.694.172</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>5.615.910.647</b>	<b>2.797.455.509</b>	<b>1.167.075.126</b>	<b>727.435.976</b>	<b>10.307.877.258</b>
- Khấu hao trong kỳ	2.109.837.652	1.671.379.608	165.553.200	59.701.261	4.006.471.721
- Thanh lý, nhượng bán	(270.210.049)	(139.357.217)		(33.043.000)	(442.610.266)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.455.538.250</b>	<b>4.329.477.900</b>	<b>1.332.628.326</b>	<b>754.094.237</b>	<b>13.871.738.713</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>					
- Tại ngày đầu kỳ	41.076.546.289	2.749.227.596	731.560.522	58.059.589	44.615.393.996
- Tại ngày cuối kỳ	46.202.975.534	10.828.552.371	566.007.322	76.420.232	57.673.955.459

- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 32.414.029.698 VNĐ.

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.798.235.558 VNĐ.

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

- Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị còn lại của TSCĐ VH					-
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</b>		
- Tổng số chi phí XDCB dở dang	<b>87.116.348.035</b>	<b>76.765.570.197</b>
- CT cao ốc văn phòng 186-188 Lê Thánh Tôn	-	10.990.732.896
- CT cao ốc văn phòng 2-4 Lưu Văn Lang	1.445.316.648	110.966.364
- CT cao ốc văn phòng 90-92 Đinh Tiên Hoàng	6.615.856.714	325.619.628
- CT cao ốc văn phòng 289 Đinh Bộ Lĩnh	33.752.288.091	33.640.500.000
- CT cao ốc văn phòng 120 Bến Chương Dương	32.312.306.500	22.633.026.500
- CT cao ốc văn phòng 129-131 Tôn Thất Đạm	9.045.633.900	9.022.133.900
- CT căn hộ Splendor	3.859.128.000	-
- CT Khác	85.818.182	42.590.909
<b>13. Đầu tư tài chính dài hạn khác:</b>		
- Đầu tư cổ phiếu	20.168.585.937	26.765.000.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Cổ phiếu niêm yết	8.368.585.937	11.560.000.000
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	11.800.000.000	15.205.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	33.577.972.453	39.033.878.800
<i>Trong đó</i>		
+ Đầu tư vào công ty Bến Thành Long Hải	3.440.000.000	3.440.000.000
+ Đầu tư vào Công ty TNHH Chợ Cửa khẩu Mộc Bài	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Đầu tư vào Cty TNHH Phở 2000	100.000.000	100.000.000
+ Đầu tư mua cổ phiếu NH TMCP Phương Đông	29.037.972.453	34.493.878.800
<b>Cộng</b>	<b>53.746.558.390</b>	<b>65.798.878.800</b>
<b>14. Chi phí trả trước dài hạn:</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	167.196.818	241.118.630
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.897.299.092	2.078.084.027
<b>Cộng</b>	<b>3.064.495.910</b>	<b>2.319.202.657</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**Đơn vị tính: VND*

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
<b>15. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
- Vay ngắn hạn ngân hàng Phương Đông	-	28.000.000.000
- Vay ngắn hạn ngân hàng Xuất Nhập Khẩu	2.028.298.841	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	374.319.078	4.240.133.705
- Nợ dài hạn đến hạn trả	5.846.418.504	570.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.249.036.423</b>	<b>32.810.133.705</b>
<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
- Thuế GTGT đầu ra	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.439.149.629	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.965.170.370	3.692.097
- Thuế Thu nhập cá nhân	17.030.519	531.953.136
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.061.513.119
<b>Cộng</b>	<b>3.421.350.518</b>	<b>1.597.158.352</b>
<b>17. Chi phí phải trả</b>		
- Phí kiểm toán	100.000.000	86.363.636
- Chi phí trích trước tiền thuê nhà	-	224.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>310.363.636</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	111.890.051	48.580.299
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	21.706.771	-
- Cổ tức chưa trả	236.452.664	460.414.464
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	628.052.794	1.628.832.334
<b>Cộng</b>	<b>998.102.280</b>	<b>2.137.827.097</b>

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

<i>20. Vay và nợ dài hạn</i>	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
Vay ngân hàng Vietcombank	4.271.464.758	589.882.000
Vay ngân hàng Liên Việt	11.354.019.628	16.044.843.076
Vay ngân hàng Seabank	320.324.020	1.797.824.020
<b>Cộng</b>	<b>15.945.808.406</b>	<b>18.432.549.096</b>

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**22. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	127.419.120.000	17.009.890.227	-	4.600.309.258	1.614.012.895	238.643.332.380
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi trong năm trước			16.691.829.498				16.691.829.498
- Trích các quỹ			(5.795.976.312)		2.507.602.200	822.093.528	(2.466.280.584)
- Giảm vốn trong năm trước							-
- Lỗ trong năm trước							-
- Chia cổ tức			(21.466.620.000)				(21.466.620.000)
- Giảm khác							-
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	127.419.120.000	6.439.123.413	-	7.107.911.458	2.436.106.423	231.402.261.294

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu kỳ này	88.000.000.000	127.419.120.000	6.439.123.413	-	7.107.911.458	2.436.106.423	231.402.261.294
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	26.168.003.051	-	-	-	26.168.003.051
- Tăng khác	-	-	-	1.453.607	-	-	-
- Trích các quỹ	-	-	(3.513.296.137)	-	2.049.014.653	732.140.742	(732.140.742)
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	(7.040.000.000)	-	-	-	(7.040.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	88.000.000.000	127.419.120.000	22.053.830.327	1.453.607	9.156.926.111	3.168.247.165	249.799.577.210

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Vốn góp của nhà nước
- Vốn góp của các đối tượng khác

**Cộng**

<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
33.722.730.000	33.722.730.000
54.277.270.000	54.277.270.000
<b>88.000.000.000</b>	<b>88.000.000.000</b>

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

	Năm 2009	Năm 2008
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.040.000.000	21.466.620.000
<b>d. Cổ tức</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- <i>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm</i>	-	1.500
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	1.500
<b>đ. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	8.800.000	8.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2009	01/01/2009
c. Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển	9.156.926.111	7.107.911.458
- Quỹ dự phòng tài chính	3.168.247.165	2.436.106.423
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

*\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp*

Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: chi khen thưởng CBCNV trong Công ty và chi ủng hộ các đoàn thể ban ngành bên ngoài Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**Đơn vị tính: VND***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009	Năm 2008
<b>25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)</b>	<b>201.837.737.435</b>	<b>302.119.766.328</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	169.000.204.603	279.135.042.834
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.837.532.832	22.984.723.494
<b>27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)</b>	<b>201.837.737.435</b>	<b>302.119.766.328</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	169.000.204.603	279.135.042.834
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	32.837.532.832	22.984.723.494
<b>28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	130.319.757.575	243.740.882.416
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.904.402.015	7.592.326.966
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.886.166.445
<b>Cộng</b>	<b>143.224.159.590</b>	<b>253.219.375.827</b>
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.089.684.646	8.097.454.633
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.412.541.822	5.919.659.905
- Lãi kinh doanh chứng khoán	347.929.428	4.325.304.440
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	4.190.781	108.682.886
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.574.657
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	8.728.829.583	-
<b>Cộng</b>	<b>20.583.176.260</b>	<b>18.456.676.521</b>
<b>30. Chi phí tài chính (Mã số 22)</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
- Lãi tiền vay	2.490.203.896	2.734.584.026
- Lỗ do bán chứng khoán	2.651.511.052	1.688.672.539
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.322.209.937	14.299.406.977
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	23.104.393	1.292.477.008
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	117.549.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.604.578.278</b>	<b>20.015.140.550</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Năm 2009	Năm 2008
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.942.415.004	2.049.014.652
<b>Cộng</b>	<b>6.942.415.004</b>	<b>2.049.014.652</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ : Không có**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

3- Thông tin về các bên liên quan:

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Mối quan hệ - Tính chất giao dịch	Năm 2009	Năm 2008
Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny - Công ty con - DT cho thuê mặt bằng	3.026.782.458	2.467.665.790
Công ty TNHH DVTN Bến Thành MS - Công ty con - DT cho thuê mặt bằng	-	97.870.050
Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny - Công ty con - Thu lãi vay tiền đặt cọc	-	524.988.630
Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny - Công ty con - Lợi nhuận được chia	2.268.558.414	1.095.142.451
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành - Công ty liên kết - DT cho thuê MB	851.395.500	498.553.700
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành - Công ty liên kết - LN được chia	280.000.000	280.000.000

b. Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan như sau :

Mối quan hệ - Tính chất giao dịch	31/12/2009	01/01/2009
Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny - Công ty con - Nhận tiền cọc thuê MB	12.000.000.000	13.000.000.000
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành - Công ty liên kết - DT nhận trước	92.405.000	84.925.000
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành - C.ty liên kết - nhận tiền cọc thuê MB	104.892.000	-
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành - Công ty liên kết - phải thu cổ tức	280.000.000	280.000.000
Tổng Công ty Bến Thành - cổ đông - khoản phải thu khác	35.300.000.000	13.300.000.000

Các khoản phát sinh trong niên độ 2009 với Tổng Công ty Bến Thành như sau :

+ Phát sinh tăng : 38 tỷ đồng.

+ Phát sinh giảm : 16 tỷ đồng.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng



**PHẠM HOÀNG NAM**

Tổng Giám đốc



**ĐỖ HÙNG KIẾT**